

PHẦN THỨ NHẤT

THÚ NUÔI CHIM

Thị lại môn liên náo
Nguyệt lại môn hạ nhân.

(Đường Thi)

THÚ NUÔI CHIM⁽¹⁾

NGUỜI MÌNH có tánh thích chơi chim.

Tôi góp nhóp được bao nhiêu tài liệu này, kinh nghiệm có mà nghe thấy cũng có, nay xin chép ra đây, nhờ người cao học biết thì chỉ giùm thêm.

Nuôi kéc. — Không mấy ai nuôi lồng: kéc mỏ rất bén, lồng sắt lồng thép chắc đến bực nào, cũng không lại nó: kéc gặm thét rồi lồng cũng phải hư.

Nuôi kéc, người chủ xích căng vào một nhánh gỗ cứng, uốn hình vòng nguyệt, trên móc sắt nhỏ để tiện treo trên trần nhà, gọi cảnh «chim đứng trong cung trăng»; hoặc làm giá kệ có nấc thang, chim mặc sức leo trèo. Giá kệ này rất tiện lợi, có chơn đứng vững vàng và rất gọn: muốn dời chỗ nào tùy thích, muốn xách đem đi đâu cũng tiện.

Bị xích giò vào xiềng bạc, kẽm hay xiềng xi-kên, kéc đánh đu trên nhánh, lặn qua lặn lại, giương san chỉ nội bao nhiêu đó. Ly-tiết mặc vòng, mấy con giun giúi qua, gặm không khờn, cần không hầy hấn, kéc duy nuốt hận, sẵn nước lửa, sẵn bắp nguyên trái, chuối chưa lột vỏ, bèn tha hồ học ăn học nói. Có con nuôi lâu, nhái hệt giọng người lớn trong nhà, ồn ào khó chịu. Quên mình điều thú, lên mặt «song tán», mắng lờ quả trẻ em ốm tôi:

(1) Có đăng ký đầu trong tạp san «BÁCH KHOA» số 37 ngày 15-7-1958.

ai lạ mới vào nhà, thoạt nghe tiếng trách phạt oai nghiêm, giật mình tưởng chừng nghe giọng người quen đứng ở đầu đây !

Nhưng nhái được tiếng người, có khi kéc chết cũng vì lên mặt thông thái. Có sách kể chuyện một con kéc Jacot nói giỏi, hiểu biết đủ điều. Ngày kia, nhảy nhót liến khí thề nào, kéc thoạt làm ngã cây đèn dầu vào mình. Dầu bắt cháy lòng, kéc la thối thanh, hết « *Bớ ông, bớ bà* », rồi « *Bớ bà bớ ông* », người trong nhà quen lệ nhảm tai, không một ai để ý cũng không một ai tiếp cứu. Tội nghiệp, đến chừng nhận được sự thật, thì kéc ta đã rô-ti !

* *

Có hàm ý gì chẳng, cái câu :

« *Chiều chiều bắt kéc nhỏ lông,*

« *Kéc kêu bớ Tị, sao mày bắt nhơn ?*

Nghe lại câu hát đưa em này từ đất Huế xuất phát ra. Xa xôi bóng bẩy, hàm súc trữ tình. Ý nhị thật. Nhưng có dính líu gì chẳng với cái chết của ông Hồng Bảo ? Sao dám kêu huyeh tệt ? Tị này, Tị kia ? Câu này nghi là sau này sửa lại cho sát đề ; sơ khởi ắt không phải làm vậy.

* *

Kéc chia ra nhiều thứ nhiều loại, lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, khi gọi « *anh vữ* », khi gọi « *con keo, con vẹt* », nhưng tiếng « *kéc* » là thông dụng nhất.

Xin đừng lầm với « *Két* », chữ này không có trong từ điển Huỳnh Tịnh Của, nhưng trong bộ GÉNIBREL chưa rằng : « *mòng két* », espèce de canard sauvage.

* *

Vào thời xưa, ở bên phương Tây, chỉ đến nay, ở Nhật Bản và xứ Mông Cổ, vẫn còn giữ tục nuôi chim ưng để đi săn. Và phần nhiều các vương hầu, nhà quý phái đi săn, nơi cò tay hay chủ vai, thường đeo miếng da dày dành cho chim ưng dậu không rách thịt.

Có tích bên Âu Châu, vua chúa xưa rất thích thú phong lưu đi săn bằng chim ưng. Con GERFAUT là loại chim ưng xứ Na-uy và Islande rất được trọng vọng. Sách « *Origine des animaux domestiques* » của René THEVENIN, trong bộ « *Que sais-je ?* » có kể chuyện một ông vua ngày xưa bị phe đối thủ sanh cầm. Bầy tôi bắt con chim ưng danh tiếng đem đổi mạng, chuộc được vua về ! Mạng vua không quý bằng chim, thấy chưa ?

* *

Trung Hoa và Nhật Bản nuôi cồng cộc, nuôi cò, tập cho lặn hụp dưới nước, bắt cá bắt tôm ; bắt được mới lại phải trồi lên nấp rúc rúc cho chủ ; muốn nuốt trộm cũng nuốt « không vô » vì thằng chủ mắc toi đã tròng nơi cổ một vòng bằng gỗ cứng chặn ngoằn : làm việc có công, lúc mãn cuộc, chủ thưởng cho vài con cá uơn, tép chấu, — cho con nào hay con nấy, muốn kén cũng không kịp, trời đã chiều, mà nào dám so đo, bởi tẩm thân trong vòng nô lệ ; cảnh khéo nực cười :

« *Chim trời bắt cá biển cung cấp cho người thế gian !* »

Cái nghề nhẩn tằm nuôi chim tập bắt cá làm kế sinh nhai, bên nước chúng ta chưa ai bắt chước.

* *

Nuôi nhồng, nuôi sầnh, nuôi sáo sầnh, sáo nghệ, sáo trâu, thì sấm lồng tre lồng trúc xinh xinh, lồng sắt sơn son, lồng thép thau có dậu bông bắt chỉ ngộ nghĩnh. Các loại

chim này, lưỡi mềm (trừ sáo trâu dở hơn hết), khéo học nhái được tiếng người. Đôi ba tháng, thấy chim biếng nói thì biết lưỡi nó dở đi, vì có một lớp da khô đóng mo ngoài chót, lưỡi không mềm mỏng như ngày thường: những lúc như vậy, chim biếng nói biếng ăn. Phải lột lưỡi, lấy móng tay khều kỹ lưỡng cho tróc lớp da cứng kia đi, đoạn gỡ nhẹ nhẹ lấy cái vẩy-mảy thì lưỡi mềm lại, nội vài ngày, lưỡi hết ố, chim lành mạnh lưu lo đồ dể như xưa...

Thật vậy, có nuôi chim mới biết thương chim. Ban trưa giờ vắng, có con giỏi, nhái hết giọng người, tiếng kêu lảnh lót «*chè khoai*», «*xe kéo*», báo hại mấy chị bán hàng nhí nhảnh, lo ra, cất gánh chạy te te, tội nghiệp nhứt là chuyện này xảy ra đã trên đôi mươi năm, là chuyện mấy chú kéo-xe-kéo giả thiếu nhựt ngồi ngáp gió dưới gốc cây, tiếng dàu thê thê bèn tai, tưởng chừng bắt được mối xộp, giật mình xách gọng bỏ lê hò càng chạy lại, chừng biết mình lầm tay con linh diều, xách gọng xe hên lên, bộ mặt bí xị, trông lơ khóc lơ cười.

Khi tôi còn thơ ấu, cha mẹ tôi ở chợ Sốc-trắng, nhà ba căn mát mẻ, trên đường «*Hàng Me*» sau đôi làm đường Đại Ngải, và nay là đường Hai Bà Trưng. Ngoài hàng ba, cha tôi có nuôi con nhồng núi, lông mượt sẫm đen huyền, cổ thêm có khoang vàng hực như cổ chị Mên ở Sốc Thổ mới ra. Trưa trưa, nhồng ta cất tiếng nhắc chừng gọi tôi xách cặp đi học. Văn kêu xách khoẻ y hết giọng già nghiêm. Bây giờ cha tôi đã mất (mất ngày mồng hai tháng chạp năm Canh-Tý 1961), tóc tôi đã bạc màu, thế mà mấy tiếng nhồng kêu: «*Bớ Sên! Bớ Sên!*» văng vẳng bèn tai như mới ngày nào.

* *

Nhồng, sãnh, sáo, nuôi lâu năm, chủ vừa mến vừa thương, có lẽ còn mến thương hơn con dể trẻ nhà, — thì chim chết công, công phu nuôi nấng chỉ còn không đầy một nắm lông xương! Không đau ốm chi hết, chỉ một tật «*dau bụng*». Đang nhẩy nhót hát rân, thoát nứu nghẹn trăn trăn, đứng dờ rồi té ngửa xuống đáy lồng, hai cẳng đưa lên trời, hai cánh đập bạch bạch, giãy tê tê ngáp gió... Mấy lúc như vậy, chủ nuôi dừng quỳnh, nếu biết kịp, cứ bắt chim ra vạch mổ, thổi vài hơi người vào họng chim, lấy tay vuốt ve kéo giở dương cánh, tiếp hơi cho chim y như phương pháp cứu người chết đuối. Một đôi khi may ra biết sớm, chim bắt hơi lướt khỏi con xung bệnh, sống lại được hay không cũng chưa biết chừng. Chớ cũng chưa nghe thấy danh sư nào tài ba dám vỗ ngực lên bảng chẵn mạch khui toa cứu chim «*mắc gió*»! Bằng như rủi ro, chim chết, thì cứ đồ thừa «*chim trúng gió độc*», «*chim đau bụng*», «*chim nhớ núi nhớ rừng*». Kể hơn nữa là y như giọng mẹ bù trê, lên mặt thầy đời, hô to: «*con chim nó tới số!*» Tôi thì chịu cái giọng dốt đó hơn là nghe lời ông nào đây cất nghĩa rất khoa học rằng: «*chim chết vì lâu ngày ở tù lúng trong lồng, không được ăn sinh tố «*vitamine*» trên rừng sẵn có*».

Buồn đi một lúc lâu, rồi như còn mắc nợ đời, sẵn lòng quen thói, người chủ gặp dịp khác, mua sắm chim mới, tiếp tục nuôi lại nữa. Muốn nói đó là *thủ phong lưu* chơi chim, hay là cần quả, nợ kiếp trước, làm mọi cho chim, nói sao lụy ý người ngoại cuộc hay ở trong vòng.

Nhồng núi, trong Nam, có loại ở Cao Nguyên, Bến Cát, Trảng Bom, Tà Lài, Bù Đốp là danh tiếng nhứt. Cũng nên biết là chim có tánh quen ăn do một người đút, nếu người đó là chủ chim thì không nói đi dàu được với nó. Cũng thì mỗi ấy mà thay tay, không biết ý chim, thì lắm lúc con

chim quí chết ngay. Không biết ý, cho ăn sai giờ, sai cách thức, thì chim cũng ngấm cù đeo. Một điều khác nên nhớ là muốn nuôi chim phải lựa nuôi từ nhỏ, chim còn bụng cứng, thì sau này chim khôn theo ý mình, đừng ham mua chim khôn sẵn về nuôi, chủ nó cho ăn cho tắm thế nào, giờ nào mình không biết thì toi tiền thêm tiếc. Những lúc ở không, mỗi ngày lấy ngày giờ nuôi chim, săn sóc nó làm *nhân hạ*, nhưng những khi có chuyện muốn vắng nhà ít lâu không được thì mới thấy tự mình chuốc vạ vào thân.

Không kể bọn làm nghề bói bài, bọn thầy phù thủy nuôi quạ, nuôi chim ụt, chim mèo cho cảnh quanh mình thêm rộn, tội nghiệp mấy con chim nhỏ loại áo dầ, manh manh, «thầy bói» «bạc má», của mấy anh bói quẻ thẻ ngoài đường: đợi khi có khách cầu tài, cầu gia đạo, lão thầy tay vói kéo cánh cửa lồng ngăn bên trong, con chim tập sẵn lách mình chun ra, chạy lại xấp thẻ, như a ý khúc tưng, gắp lên một tấm, ngó lão thầy; lão vói tay lấy thẻ, «ban» cho một hột thóc bửn xỉn, đoạn chim trở về chỗ cũ, nếu ngày ấy vắng khách thì, nếu tôi là chim, thà liều mình chết phứt để đầu thái lớp khác, sướng hơn là chịu cảnh mãi ăn gạo dẽm hột và trọn đời kiến cắn bụng không thôi.

* * *

Nuôi chim chia vôi, thì phải ra công săn bắt bò cào, châu chấu, dào dặt lượm trùn cho chim ăn. Thậm chí người nhà mua được miếng thịt bò, — của không đủ mèo ngửi, — mà cũng lên lút theo bột vài miếng ngon cấp cho con chia vôi yền thích (1). Độ trước, ở tiệm thuốc Bắc lớn, người Tàu về

(1) Tôi còn nhớ trong hát bội, có câu này, (trong câu có đủ trầu, cau, vôi, thuốc): «Chim chia vôi bay ngang đám thuốc, Cá bả trầu lội tuốt mương cau».

và ai lại chẳng biết câu bắt hủ: «Chim quyen xuống đất ăn trùn, Anh hùng lơ vắn, lên rừng đốt than».
(âm chỉ trường TRẦN KHÁNH DƯ khi thất thời).

duyên có bán một loại sâu nhỏ phơi khô, màu đỏ đỏ, cân bán từng ly từng chỉ, giá thật mắt mờ, — thứ sâu này quen mắt không biết tên gì, nhưng lại tiếm hời thì họ biết tiền. Nuôi chim loại chia vôi, thỉnh thoảng cho ăn thứ sâu này thì chim mau sung sức, mập mạnh, tươi lông mượt cánh. Ngày nay người nuôi chim phong lưu tài tử đã đỡ khổ nhiều. Dân Sài-Gòn ngày một thêm đông, nên xoay trở đủ nghề. Họ kéo ra công bắt bò cào, dẽ mền, sáng sáng tề tựu nhau bày bán nơi «Chợ Chim», chợ này mới tụ hội cách nay không lâu lắm, ở khuỷnh sau trường Bá Nghệ, đường Kinh Lấp (Hàm Nghi), giữa khoảng hai con đường Pasteur và Công Lý. Văn minh hơn một bậc là các tay hura quan an nhàn, từng đọc sách Pháp, biết gây giống «sâu bánh mì», biết mua hột *cổ Tây* về trồng, hái hột bán kiếm xu bộn bộn. Trong chợ chim, cũng gọi «Chợ Trời» hay «chợ lộ thiên», thấy có bán chó dất tiền, con mèo tam thể, cây mai bông trắng, mỗi gốc dẽ giá sáu ngàn đồng (nhưng vẫn chưa thấy ai «rinh»), và tập nhap đủ thứ, có cả thuốc săn lã rẽ tiền và sách lục xon bán không chạy, nhấc lại trong chợ chim này thường thấy người tay xách lồng sang, tay ôm hộp đựng thức ăn của con điều cung, chen vai cùng thầy nọ hấp tấp vì còn phải vô sở làm, nay ghé tạm lại đây cốt dẽ mua gắp ít ngọc bò cào, dẽ mái, cũng không dám se sưa bề bộn sầm hộp sầm túi, duy giấu dẽ mấy con này trong bao thư cũ, hay vô hộp quạt không, dẽ đợi mãn giờ về nhà sẽ cung cấp cho con chim cang. Chợ chim có khách đủ hạng, khách thích chơi chim cũng có, mà bọn hải lái chim cũng có, chuyên nghề xách lồng thật đẹp giả mặt người sang, kỳ trung là «thằng bán chim vô hạnh», trong lồng bèo con bạch yến giả mạo, khoe đây là con yến Nhựt Bản mới mua về, lồng *xác pháo* «chánh hiệu» nhưng giá nào y cũng bán, ai rõ tới nó thì nó không buông tha, vì như đã nói, đó là con chim giả,

lông phun nước sơn, ai mua về nhà vài ngày là lộ tẩy. *Chim sơn* đã có thì *chó sơn* lông cũng có, tính coi chó gì đầu là đầu chó xi chó ghê, lưng lại lốm đốm tròn tròn toàn những vết đen huyền rõ khéo, thật tròn xoe, trở hiện trên màu vàng hực bộ lông « *vàng da cạp* », sau rõ lại đó là con phen nhà ta giả làm con « *kim-liền-cầu* » đời nay. Kim-liền-cầu đời xưa là con thần khuyển có tài cắn giết yêu tinh quỷ mỵ, còn « *kim-liền-cầu* » tân chế dịch thị là con chó vóc giặc dễ coi, ngày nọ chủ thấy nó « *tốt bộ* », bèn mặc cho một chiếc áo có khoét lỗ sần lốm đốm tròn tròn như đồng bạc, rồi sẽ lên đưa nó lại liếm sơn xe máy xe đạp, trả một số tiền phải chăng, độ một giờ sau dắt chó ra khỏi « *lò phun sơn điện* » rồi có thể đưa luôn chó lại chợ chim, duy phải nhớ đừng gấp lắm không nên, vì còn phải đủ ngày giờ thủ tiêu cái áo chó ban nãy, và đủ ngày giờ cho con chó khô lông. Nơi chợ chim, đã nói chó phen, chó cò trở nên « *Kim-liền-cầu* », thì loại mèo bốn chân cũng có thể thắp từng theo chủ và loại chó « *xa-lông* » bỏ túi, cũng lóc cóc theo mụ me Tây, me Mèo, xem đi xem lại đó là chợ Đồi, bán « *chó ăn cắp* » mèo bốn cẳng, mèo hai chun đủ thứ! Nơi đây là Chợ Trời, chợ súc vật, mà cũng là chợ hoa, chợ ái tình, bán từ cây bông giấy màu trắng mới nhập cảng, cây hoa « *ma-ni* » lá xen xanh trắng như chiếc áo sơ-mi loè loẹt Phi-luật-lân, có bán rong cho cá ăn, hoa chớm nở, hoa sắp tàn, hoa mai bị dọa.

* * *

Người nuôi chim công phu không ai bằng. Trong lồng, sắm một mùng vùa đựng nước sạch, làm bể cạn chờ con nhồng nóng nực rửa lông; sắm một mẻ cát sàng sây kỹ càng cho con chim trời trưa tắm mát, — có nước trong cát mịn cho chim rửa cánh vui lòng, tha hồ chim sung sức. Chủ nhà khuya sớm nhọc nhằn với chim (hỏi đối với người

trong thân, được như thế chưa?) Và chờ khi chim khỏe sung, bộ tịch chăm hăm, thì chủ xách lồng, hội hiệp bọn đồng điệu đồng chơi chim với nhau, cấp độ con chim nhà với con chim hàng xóm, con chim người mình nuôi với con chim do ngoại kiều rên đúc có phương pháp, bày trò cho nó đá chọi đánh cấn với nhau, hơn thua bằng những cuộc đánh bạc giốn tiền, mê mệt không kém đá cá thia thia, đấu kê hay là đồ bác.

Tại đô thành, luôn cả trong phố chật hẹp Chợ-lớn, tôi đã thấy tận mắt nhiều căn phố người khách trú ở, không lớn hơn cái vỏ hộp quẹt cây, không đủ chỗ lòng chung bày hàng, thế mà chủ-nhân-ông dày công khổ cực, sắm lồng riêng nuôi đến bốn con chia với, con này treo khít dưới con kia, và sáng sớm ông chưa lo dọn hàng, phải lo thay nước, phân phát lương thực từ con ngựa trời, châu chấu ngất chun, đến con giò, con sâu bò lúc nhúc, công phu tỷ mỷ, tôi thấy rồi so sánh lại, riêng mừng cho mình, cứ mỗi sáng mỗi thức sớm lau quét o bế đồ xưa và sách cũ, đầu nhọc và đầu gàn bằng ông khách trú chơi chim này!

* * *

Có người nuôi *cun-cút*, là giống chim nhỏ bé bằng nắm tay, thế mà gan lý còn hơn gan Triệu-Tử.

Người khác nuôi *chim trích*, người nuôi *quốc-quốc*, *le-le*, ngỗng trắng; nuôi quen cho ở chung lộn với vịt gà, trẻ nhỏ lại gần nó cần cho mà biết! Chiều chiều le-le lùa vịt vô chuồng thấy rất nên thương. Nuôi chó, chó táp người lạ, đưa nhau ra tòa, chủ bị phạt là thường. Nuôi trích, nuôi ngỗng: trích găm rách da, ngỗng cạp chảy máu: chưa có luật pháp nào áp dụng phạt những tình trạng này, sợng chưa?

Tục ví nuôi như nuôi cun-cút, độ chừng đoán biết cách săn sóc tăng lên tỷ mỹ là đường nào.

Người thì nuôi cu đất, cu cừm : con nào gáy « cu-cu » là thường sự. Con nào gáy tiếng hai, tiếng ba : « Ruc cu-cu », có con gáy đến bốn tiếng năm tiếng : « Ruc cu-cu...cu...cu », « Ruc cu-cu, cu-cu...cu », những con ấy là bạc là vàng, chủ nuôi hãnh mặt khoe mình có con linh diệu. « Chim nhà tôi, nó gáy có hậu ghê ! »

Có con lại gáy lặp đi lặp lại nghe ngộ ngộ : « Ruc cu-cu, Ruc cu-cu... cu ». Nếu ở trường, học trò thế ấy là thằng cà lăm vô dụng ; đang nầy nó là con chim, nên xứng đáng là con linh diệu ! Mấy con chim như vậy là món nợ đời trong gia đình. Con trẻ rồi động tới là bị đòn nức thịt ; vợ nhà rồi tay làm sây thì còn sợ hơn mất vàng thoi ngọc quý.

Xưa có tích thằng nuôi gà chọi miệt Hóc-Môn, bị trời trồng giữa ban ngày cũng tại nó dám rượt đánh mẹ nó, chẳng qua bà nầy thương cháu, nằng cháu lỡ tay liệng khúc củi làm chết con gà cưng, tưởng nhận tội nó nghĩ tình mẫu tử mà tha, không dè tên nghịch nhi đi chơi về, hay mẹ giết chết gà, nó coi gà trọng hơn mẹ, xách dao rượt chém, trời trồng cũng đáng !

Nuôi cu cũng thế... Viết đến đây tôi bỗng nhớ anh cựu hương chủ Trần Ngọc Lợi, tự Lý, quê làng Hòa-Tú (Sóc-trăng). Năm 1946, vì phải tuân lệnh tản cư, tôi bèn lìa tổ ấm, bỏ chợ búa chạy vô ruộng quê, nương nấu nhà anh chủ, dinh đắp bà con bên vợ trước. Đến chừng có lệnh « triệt để tản cư » nữa, trong nhà anh chủ ai nấy đều tay gói tay xách, cu bị gồng gánh đem đồ quý xuống thuyền : mắm, gạo, nước ngọt, tỉnh cuộc lâu dài, « đại viễn du » vô

hạn định. Khi ấy, anh Chủ, vốn vốn không động móng tay, chờ đến giờ thuyền lui bến, một tay anh xách lục cu (1), một tay xách cây siêu đao, chèo chệ xuống thuyền, oai nghi như lớp phó hội Châu Du. Chúng tôi nhạo anh là ngông, anh cười chúng tôi là còn bần tiện mắc nợ đời, nào chưa dứt lòng trần, nào còn thương tiếc của tiền và chưa thoát tục. Anh chèo chúng tôi không như anh lia bỏ hết sự sản, thông dong rảnh tay rảnh nợ, nhẹ nhàng hồn trí, mặc tình lầu nhưa chơi chim, từ đây sẽ thi hành triệt để câu « cầm hạc liêu đao » ! (Anh Chủ ôi ! ngày nay anh đã là người thiên cổ, miệng nào ngao anh cho đành. Ngày nay tôi nhớ lại lúc ấy anh cầm siêu đao dẫn mẹ chạy giặc, rõ anh là người con chí hiếu. Nhưng đêm hôm ấy Tây bắn già quá, anh quăng cây siêu đao của anh lúc nào, anh đâu còn nữa mà hỏi ? Ô hô ! Anh Chủ !)

Cũng độ ấy, trong lúc bình bồng tản cư giữa trời và nước, chiều ba mươi nhớ lại ngày mai nầy là Mồng Một Tết, ngùi ngùi tôi cho cái Tết vong hương không pháo không lân, cũng không miếng đất nhỏ cắm nêu. Thuyền chúng tôi cắm sào đầu cửa Sông Lớn, tục danh Vàm Cỏ Cỏ. Người người tuy xa nhà xa tổ ấm, nhưng đã là chiều ba mươi tháng chạp, nên trưa hôm đó không hẹn mà như một, thuyền nào ghé nào đều lo giỗ quai ông bà dạm bạc trên thuyền, cho đỡ tủi. Duềnh ngân bạc phạn, có chút vậy mà an ủi vô cùng... Riêng anh Chủ, thông dong tự tại, ai mặc ai, sáng bưng tung anh xách lục lên bờ mất dạng. Đứng ngo, cũng rồi, cơm dọn ra mà anh vẫn không có thì anh em cũng khó mà cầm đũa. Thêm nỗi, giờ ấy là giờ « Sóc dậy », người

(1) Lồng cu có tên riêng là cái lục, có lẽ vì lồng che lá xanh tươi (lục) chung quanh lồng để nhái cảnh rậm rừng. — Lục cu nhỏ bé và thấp vừa mình con chim chớ không rộng và khoáng khoáng như các lồng chim khác. V. H. S.

Thỏ dân lộng hành. Đứng trước mũi thuyền ngóng xa xa thấy dạng những con người mình trần đen như cột cháy ấy đang quơ bồi đốt xóm làng và đang lửa bắt dân bà trẻ con người mình, lại càng thêm thót ruột, trống ngực đánh lung tung... Chúng tôi đề nghị nhờ cậu trai út con anh Chủ lên bờ tìm cha, đề mời anh xuống cho kịp bữa cơm và cũng kịp giờ lui bến ty nạn Thỏ đốt. Tội nghiệp đứa con anh Chủ triệt để thi hành sứ mạng giao phó. Vô tận bụi cây xanh giữa rừng, thấy cha mình đang nằm khoanh tằm, nhịp đùi, núp dưới bóng mát, ca nhỏ nhỏ bài « Thanh niên hành khúc » :

« *Này thanh niên ơi !!! Chúng ta đến ngày giải phóng* ».

Anh Chủ giờ này khoái đến tột độ...

Cu nhà, trong lục, bo bo, kêu rúc...

Cu rừng, như có gì thúc đẩy, ban đầu « nhát đèn » rồi « mê trận », chuyền chuyền đáp đáp lần xuống nhánh thấp, định không còn mấy chốc nữa là « cho cơm » anh Chủ !

Anh Chủ, trống ngực đánh muốn bẽ, ngứa ngáy cùng khắp thân thể mà không dám gãi...

Giữa lúc ấy, sứ giả của chúng tôi, ngày thơ nào biết gì, phần bụng đói phần mắng lo « *giặc đang thả cáp đường* », sứ giả của chúng tôi, chuyện đã tới bên tròn, nên không giữ gìn cẩn thận, không kể giờ phút thiêng liêng của cha, cứ việc bước tới... Lá khô dưới chân kêu sột sạt, anh Chủ trợn mắt dộc mà thẳng nhỏ bắt chặp... Bỗng một nhánh khô gãy dưới chân đứa nhỏ : cu rừng giật mình bay cái vù... Cu nhà, mất trớn, cũng thôi bo..... Anh Chủ phùng phùng chồm dậy, không kể phụ tử tình thâm, cũng không thêm hỏi lý do sự tình, xáng đứa trai út mấy tát tay tá hỏa hào quang. Rồi anh nhứt định bỏ bữa cơm Tết, tiếp tục đàn xếp dọn lớp lại, nhưng cu rừng « động ổ » đã bay mất dạng.

Báo hại chúng tôi ăn Tết ly hương mất hứng !

Mê gác cu đến nước ấy là cùng. (1)

Kính khùng vì nạn Thỏ dân tàn ác, tác oai tác phúc, không biết giờ phút nào rượt kịp thuyền mình ; hồi hộp cho một người anh kính mến, nghĩa hiệp, đang còn trên bờ rồi số phần sẽ ra sao, chúng tôi nao nao trong lòng, biếng nuốt cơm, biếng nói rằng, đề đâu đến đồ đèn, các ghe thuyền chum nhum một chỗ, thì thấy anh Chủ là lù xách lục xuống ghe, an nhiên vô sự. Anh ngồi ăn cơm một mình, nghe anh anh em kể trách người móc, anh gật gù nhìn nhận : một mình anh làm cả thuyền lo sợ, cũng vì một con chim giá thử bắt được, cũng không hơn hai hào bạc ! Tưởng như vậy anh Chủ ăn năn... Không đề sáng sau hồi lại, lục chim và anh Chủ đã lên bờ quyết « ăn thua đủ » với con chim rừng cứng cỏi.

Nghĩ tới giống chim cu mà ngán. Quen lồng quen lục, mê ba hột lúa gié vàng thơm nhưa, mà sát hại giống nòi không tiếc tiếng gáy tiếng gù. Chủ đem ra rừng bụi lựa chỗ êm thắm, che túp lá xanh giả cảnh lâm sơn, ngoài lục đánh cỏ phăng phiu rồi gài lưới kín trên thả cỏ non cho dễ mà con mắt, mảnh lưới có tra sẵn sợi nhợ bi mật dài, anh chủ chim lờ nhợ ra ngoài xa ngồi núp bóng chờ thời, không khác *Thái Công* ngồi câu sông *Vị*. Trong lục mặc linh « *cu gù, cu gáy, cu bo* », chim rừng nghe tiếng chim lạ đến xâm chiếm địa phận mình, sẵn tánh ghét tiếng gáy, mà cũng là quen thói cây lá bay ỷ sức khỏe, không chịu kiêng dè,

(1) Nhờ câu : « *Ở đời có bốn cái ngu : làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu* ». Xét ra : làm mai là một, xa nhe (signer) ký tên lãnh nợ vay bạc Chà là hai, chớ bị quên ơn, oán thì có... Còn cầm châu vẫn ít ai vừa lòng, trên sân khấu cũng như dưới hàng khán giả. Đến như gác cu, câu chuyện như trên đủ thấu tâm tình, như là không phải do tôi bày đặt. Nay nhớ lại từng tuổi này tôi đã vương đủ bốn cái ngu. V. H. S.

từ trên cao liêu minh phóng xuống mổ cắn chim nhà. Mãng say cuộc tranh giành, quên đề phòng, anh chủ chim chực cơ hội thuận tiện, bèn giết sợi dây ác nghiệt, chim rừng mê độ không hay biết, nên hai tấm lưới sập liền theo tay, ô hô, còn gì là phóng khoáng tự do ?

Bắt được chim về, xem con nào tốt mã thì sắm thêm lục mới, tập dượt chờ ngày dỡ lại trò cốt nhục tương tàn. Những con chim xấu, tha hồ nhậu nhẹt.

Tục còn câu « *cứng như cứng cu-cu* » nhiều nghĩa. Bằng ai muốn thấu đáo nghe huyệt tẹt, liếc thay anh Chủ Trần Ngọc Lợi, làng Hòa-Tú, đã không còn. (1)

Nói đến tự do phóng khoáng của chim, sự nhớ câu chuyện từng đọc trong sách Tây (2). Theo sách ấy, dường như chim trong lồng mất tự do đã đành, nhưng những chim ngoài trời, nghiệm ra cũng chưa tự do gì mấy.

Thử xem loài chim vạc luôn luôn đi ăn ban đêm ; chim cò thì vẫn ăn ban ngày, chúng đụng đầu nhau trong giờ nghịch lệ sải giờ ước kết, thì không giận nào bằng, mổ cắn

(1) Nói có vong hồn anh Chủ Lý. Anh là người cao kiến lạ lùng. Năm 1945-1946, anh em mình ăn gia tài, dứa nào cũng trên 2000 công ruộng. Dứa nào như dứa này, mắng lo giành ăn, đóng thuế gia tài, ra tiền cho tá điền làm ruộng. Bùng một cái, giặc giữ liền miền đến nay chưa dứt, dứa nào theo nghiệp nông cũng đều phải hai tay không, bỏ chạy lên thành mất cả sự nghiệp đất đai. Dứa nay chính phủ nghĩ tình mua lại ruộng đất cấp phát cho người trực canh, — của đồ mà hốt, vừa đủ trả nợ bấy lâu nay vay mượn ăn xài, — duy một mình anh Chủ, thấy xa hiểu rộng, từ năm 1946, anh đã lớp bán lớp cho lớp đem cầm cố cho chả lấy tiền ăn xài cho đã, ai nấy đều chê anh là « con phũ phàng », nay rồi lại, tuy anh đã nằm dưới đất, nào có hay đâu mấy thằng bà con với anh như tôi đây, bo bo kị cốp để giành rồi cũng phải tay không ? Nay muốn bắt chước anh thì đã quá muộn.

(2) Xin tìm đọc, nếu may gặp, Sélection, Mai 1959 : « Dans la nature, aussi les oiseaux sont en cage » (ngoài cảnh vật thiên nhiên, chim cũng vẫn như ở tù trong lồng chờ không tự do chút nào).

lung tung. Giống chim ở rừng thì lại không dám ra kiếm ăn ngoài đồng nội. Trái lại giống chim đồng bằng không bao giờ dám tuồng pha rừng rú. Bèn Mỹ quốc, có loài *Cardinal* là chim hung tợn khét tiếng : lòng đỏ mỏ dữ. Thế mà khi rừng của nó bị phá, cây ngã rạp la liệt, thì chim *Cardinal* nằm mẹp dưới đất chờ chết, nhứt định không dám bay qua rừng khác tuy chỉ cách đó không hơn hai trăm thước, không khéo thâm nhập địa phận chim út chim mèo, chúng nó đánh cho mang xấu hoặc lên án tử hình, gắp đầu cắn đó, như vậy thì nằm chết tại rừng cũ còn thơm danh hơn ! Nghiệm cho kỹ, mỗi giống chim muông, mỗi loài điều thú, vẫn có khu vực riêng biệt, tuy ranh giới mắt phàm không ngó thấy, nhưng bọn điều cầm cùng giống hoặc khác loài đã có qui chế riêng, không bao giờ con này dám xâm phạm địa phận con khác, nếu xâm phạm không khác nào, như ta nói, xâm phạm tử địa, cấm địa, ranh giới nước thù, v. v... Thậm chí, có giống chim hung dữ thuở nay chưa từng chịu thua chim nào, thế mà nếu ta thử bắt đem thả nơi khu rừng lạ thì con chim dữ ấy sao sao cũng nòng nã tìm cách bay về quê cũ, rừng cũ chờ không đủ can đảm ở lại chỗ mới, vì đó vốn là « *ngoại quốc* », lạ nước lạ non không chỗ dung thân. Điều khác là khi chim đẻ, lại càng cố thủ giữ gìn địa phận chống kẻ thù hơn lúc bình thường. Duy có giống chim hậu điều (*oiseaux migrants*) tùy mùa đổi chỗ ở, cho nên có một cách đường như « *xin phép* ». Mỗi khi chim hậu điều bay về quê cũ, con chim trống về lời quê hương, cần thận sẽ đứng trên chồi cây đại thọ rồi cất cổ gáy lớn lên. Nếu không nghe tiếng chim trống khác gáy trả lời, ấy là cuộc đất chưa ai chiếm cứ, vợ chồng về ở được, trọn mùa bình an ; bằng như nghe có tiếng trả lời, thì là *đất có chủ rồi*, hãy toan hồng hế vợ con tìm nơi đất mới vô chủ, đừng cượng lý ở lại chỗ xưa là trái với *kết ước mật cha truyền con nối*. Tiếng chim gáy nghe đến đâu là ranh giới của chim ăn đến

đó. Ghét nhau từ tiếng gáy cũng vì tục lệ chim như vậy đó thôi. Khi chim gáy đề « *cầm ranh đất* » lại cũng là một dịp gáy lên đề tìm bạn ngọc trăm năm. Con chim trống nào biếng nhác, đến trễ, gáy trễ, mắng chần chờ đề con chim trống khác gáy trước, « *cầm ranh trước* », « *có vợ trước* », thì đành chịu bụng đói, độc thân, và hãy cất cánh bay kiếm tha phượng: cầu thê, cầu thục.

* * *

Tiện đây, tôi xin trích lục một đoạn nghiên cứu nữa, rất mới mẻ về chim chóc.

Tạp *SÉLECTION*, tháng Mars 1961 có đăng một bài của bà Jeanne GEORGE khảo về cách ăn thói ở của loại bạc má (*mésange*) Mỹ quốc. Như ta đã biết, chồng bà là ông John GEORGE, nguyên là một điều cầm gia danh tiếng, dạy khoa *écologie des oiseaux*, chuyên tìm hiểu về thú tánh, tập quán, cách ăn thói ở, cách sanh sản của điều cầm, v.v... Một hôm, ông cho bà biết ông sẽ đề riêng bảy năm học hỏi, nghiên cứu lại về chim bạc má « *mésange* ». Bà tỏ ý lấy làm lạ hỏi chồng « *như thế chẳng là tự cổ chí kim chưa ai khảo tường tận về loại *mésange* hay sao?* » thì John cười mà trả lời rằng « *phải nghiên cứu thêm bảy năm như vậy nữa mới là thấu thoát vấn đề chim bạc má.* » Bắt đầu, ông mượn bà tiếp tay ông, cầm giùm một chim trống ông đặt tên là « *Bonnet Noir* » (thằng Kề Đen) (từ đây xin gọi tắt là B.N.) đề ông cho đeo sổ trước tịch đằng hoàng tiện bề nhìn nhận. Ông đeo cho B.N. một cẳng là khoanh plastique màu lam, còn cẳng bên kia ông đeo khoanh aluminium có chạm số, rất dễ nhìn. Trong khi bà kèm con B.N. trên tay, bà xem kỹ thấy mắt chim quả là lưỡng tiện, một nhãn kiếm ăn ngó con mồi, một nhãn thủ thế phòng chim dữ, mèo chó chụp bắt thình lình. Lại nữa, xương chim dường

như cốt bọng, đề thêm nhẹ mình lúc bay, tìm chim đập rất mau, có thể lên đến một ngàn tiếng đập trong mỗi phút, và tai chim không « *thính* » lắm, tỷ như tiếng thường của người, đối với chim, nhỏ nhí quá, không lọt tai được.

B.N. được thả ra rồi thì bay nhập đoàn với mười lăm con khác thành một tiểu đoàn chim bạc má, có một bạc má bị cầm bẫy, quân thủ độ tám mẫu đất vuông có cả rừng, bụi rậm và vườn tược sum sê. Ngày ngày chim ngủ đêm trong rừng, kiếm ăn xóm bà George, ăn rồi bay đậu nghỉ khỏe trên đại thọ « *xóm nhà đèn* », khỏe cánh rồi bay một vòng đảo qua viếng xóm *Chị Chim Ưi*, rồi trở về xóm bà George là vừa đúng bữa ăn trưa. Lúc nào gặp đông thiên giá lạnh thì cả đoàn làm thi, bàn triết lý, hoặc đứng lặng yên ngắm tuyết rơi, và kiếm ăn trong khu rừng êm ả.

Buổi sáng hôm B.N. được ghi sổ và thả, phu nhon thấy bầy chim đập xuống sân bà, có một con « *Jaune* » đang đứng ăn, thoát B.N. hạ cánh đập xuống thì « *Jaune* » nhường chỗ tức thì. Giây lát có chim « *Vert* » đập xuống thì đến lượt B.N. tránh mặt; sau đó có các chim khác đập xuống, nhưng những phen ấy, B.N. vẫn đứng ăn như thường: do đó phu nhon độ chừng có lẽ B.N. là phó trưởng đoàn, « *ông phó xếp* » bạc má! chỉ thấp hơn con « *Vert* » một bậc. Theo kinh nghiệm của phu nhon thấu thập, thì trong đoàn vẫn có con chim này húng hiếp, làm anh làm chị các con khác, nhưng những lúc hoạn nạn hay ngộ địch thì luôn luôn tương thân tương trợ không bỏ nhau. Con chim nào khỏe khạo, lù dù cách mấy, miễn biết nhập đoàn, biết tuân lệnh, biết có lớn có nhỏ, thì sẽ được chỗ che, không bao giờ sợ đói sợ lạnh. Những khi điều quạ, chim ưng toan bắt, thì đã có các con lanh lợi hơn giải cứu, ủng hộ hết lòng.

Hạ tuần tháng giêng năm đó, phu nhon đề ý bạc má

khi ăn trong sân tỏ vẻ búrt rứt rộn rục khác hơn mọi lần. Chồng bà bảo ấy thế là đến mùa chim mái chịu trống. Bà tọc mạch rình mò xem B.N. sẽ lựa ai làm vợ. Chiều hôm ấy, rõ ràng bà bắt gặp B.N. «gù» chị Roussole. Khi lựa được «ý trung non» của mình rồi, bà thấy B.N. hăng hái bay đi «xóm nhà đèn» chọn một cây cao để sau này làm ổ, nay phải chiếm trước hầu không có con khác tranh giành. Qua tháng ba, thì cuộc «ăn ở cùng nhau» giữa B.N. Roussole đã thành tựu. Cũng trong tháng ấy, có cuộc biến đổi khá lớn trong tiểu đoàn bạc má vì chim từng cặp đưa nhau đi tìm chỗ vừa ý để ăn ái và tạo gia đình riêng mỗi cặp mỗi nơi. Trong đoàn còn sót lại hai con chim trống «vô duyên» nhứt, bộ tịch lù đù, «thương không vô» nên mặc dù gáy gù khô cổ khô nước miếng, nhưng không bắt cặp được với mái nào, mỗi lần bay đến xóm mới «bày trò 35» thì vẫn bị chim trống ra cản đánh, hai chim lẻ bạn đành tìm xóm cô quạnh ở dọc thân chờ dịp may khi nào có chim chồng chết hay chim lạ «gái già» ở đâu đến sẽ ráp thữ. Phu non nghiền cửa lâu năm thấy rằng trong giới chim bạc má, dường như vợ chồng chung tình với nhau lắm và không thấy có chuyện lấy bậy, vụng trộm ái tình.

Trọn một tuần nhứt, phu non không thấy bóng B.N. lại vắng xóm bà, nên sốt ruột bà đi tìm thữ thì thấy B.N. đến định cư «xóm nhà đèn» và mãi lo dùng mỏ cứng moi bọng cây liễu già, lột ổ cho mẹ Roussole. Hễ chồng mệt thì vợ tiếp, vợ mệt thì chồng ra tay, chung sức nhau moi bọng cây thêm lớn và rộng rãi, moi rồi, B.N. lấy rễ mềm và lông rụng lột thêm và tỏ vẻ âu yếm cưng mẹ Roussole vô ngần. Ổ lột rồi, đúng tám ngày sau, phu non bắt gặp B.N. đứng rĩa lông làm dáng trên cành gần cửa sổ nhà bà. Trong khi ấy, mẹ Roussole đứng xù lông hạ cánh xuống xè xè, rõ là điệu bộ một phụ nữ đa tình đang mong mỗi một cuộc ăn ái mây mưa. Ấ! thì ra hai chim đang tìm cách thỏa dục tình.

B.N. biểu quyết đồng tình cùng Roussole... Hai con chim không hẹn mà nên, tự nhiên vỗ cánh bay lên không trung cao thật cao, rồi xấp lại nhau, cánh dậu cánh, mỏ giao mỏ, đầu đụng đầu, mình khít sát kín, rồi tề tề mà, sập sập liu nhưu để rơi hai thân thể song song, rớt xuống thấp. Trong khi ấy thì B.N. đã bắn «tình dục» vào hậu môn chim mái và mẹ Roussole đã chịu trống rồi vậy. Cách thụ thai của loại điều cầm là thế. Trứng non trong bụng chim mái độ vài giờ sau khi thụ nhận tinh chim trống, đã «kiết tử» bây giờ chỉ đợi lòng trắng bọc thêm, lớp vỏ cứng bọc thêm là thành hình trứng chim «có trống». Sáng sớm hôm sau, chim mái nhận thấy trong mình «đi nặng, bụng khó chịu», bèn rặn đẻ, trứng rơi ra dễ dàng trong ổ, để xong chim mái nhẹ mình vẫn bay theo phu trưởng kiếm ăn thân nhiên vô sự. Trong tám ngày liên tiếp, Roussole đẻ được tám trứng. Đến kỳ để xong trứng thứ tám, mẹ Roussole ở trong bọng cây, ấp trứng không ra, bỏ ăn bỏ uống, đủ biết rằng tuy mang tiếng là «bạc má» nhưng chim mėsange mẹ con lắm! Trứng ấp mười ba ngày liền đêm là nở con. Trong lúc ấp, B.N. phải đem cơm cho vợ, bắt từ con sâu non mềm, và đút cho Roussole «tới miệng», Roussole chỉ nằm đờ trên trứng, lim dim, há miệng, nhong nhẹo còn hơn các chị dài các tán thời. Phu non ghi ngày mồng chín tháng Năm là chim nở, vỏ trứng không được lôi ra khỏi ổ cho sạch sẽ bên trong, chim con vừa nở là kêu la chi chi và đã biết ăn. Chim con không ỉa ra «cứt sù» nhưng tiết ra phần nguyên bọ, mỗi ngày B.N. phải cần bọ lôi ra xa ổ cho được vệ sinh. Mười sáu ngày từ phá vỏ trứng, là chim đủ lông đủ cánh tập bay. Tuy vậy vành mỏ chim còn vàng khè như môi chú hề hát xiếc: chừng nào mỏ chim mất màu vàng là chim đã khôn lớn trưởng thành. Mặt trời mọc khỏi ngọn cây là chim tập bay. Ban đầu bay từ nhánh nhỏ này qua nhánh nhỏ kia, trước

còn lính quỳnh vung về bờ ngọ, mỗi lần bay lên đầu lại đều nhũn đầu xinh vỉnh, chưa chi đã la dới dới ăn. Qua tháng Tám, bầy con của B.N. dễ tám nay còn ba, năm con xấu số bị út, mèo, cú sốt ăn tươi nuốt sống lần hồi. Bước đầu tháng Chín, B.N. trở nên cô thân độc mợc như xưa, vì con đã trưởng thành và đã theo tiếng nói trái tim đi lập gia đình đôi bạn nơi xa lạ. Ấy cũng là thiên tánh hay linh tánh của điều cầm, tránh khi lớn không ở chung với cha mẹ là cốt tránh sự loạn luân giữa anh em chị em, vả lại điều cầm mà cũng biết nếu đồng một huyết mạch mà làm chồng vợ lẫn nhau thì mau đi đến sự lụn bại giống nòi, sanh con đẻ cháu sẽ tật nguyền không khỏe mạnh. Càng khổ thêm cho B.N. là mợ Roussote qua đời hồi nào không rõ biết, cảnh bơ vơ của B.N. càng thêm bơ vơ. Một đoàn chim bạc má lạ, từ đầu bay đến gần nhà bà George phu nhơn, định dừng đậu nơi đây qua hết mùa đông rét giá. Năm ấy B.N. thăng chức trở nên chim chúa đoàn, B.N. tỏ ra có sức lực hơn các chim trống khác, cả vợ chồng John George đều lấy làm lạ cho sự trưởng thọ của B.N. vì đếm dốt tay B.N. đã hơn tám tuổi lễ. B.N. có bản lĩnh lạ thường, bầy chim mới lạ đến tá túc sẵn mất chúa đoàn bị B.N. rử các trống khác đến chinh phạt, đánh bại chim mới và sáp nhập bầy chim mới vào đoàn của B.N. cầm đầu. Nhơn dịp B.N. nói rộng chu vi chiếm đóng thêm tám mẫu vuông nữa. Từ đây cương vực của B.N. càng rộng lớn, quyền hành của B.N. càng nhiều. B.N. càng lão luyện, xứng đáng một chim « cầm bầy » : lo cho chim em út từ miếng ăn chỗ ngủ, đêm nào các chim vào rừng nin lặng thì B.N. mới chịu nghỉ ngơi. Đầu năm thứ chín, trong một đêm mưa gió bão bùng, rặng ngày, vắng mặt B.N. Vợ chồng John George bàn tán phân vân, chồng viện cớ vì trận bão chim chóc chết hại nhiều, c B.N. ham đất bay đi chinh phục phương xa nào đó chăng, còn phu nhơn thì

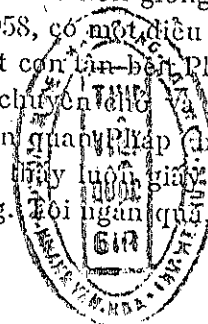
cần thận hơn, lưỡng lự phân phân bất nhứt. B.N. không còn trong đoàn, bọn chim trống lại một phen thư hùng đề tranh nhau chỗ trống do B.N. để lại.

Một con bạc má tên gọi « Orange » đánh thắng các trống khác tự mình lên nối ngôi B.N. Phu nhơn trở vào văn phòng, lấy xấp thẻ chim ra tra cứu. Á há! Orange đích thị là cháu đích tôn của B.N., thảo nào? B.N. đã chết còn nhiều B.N. đời đời kế tiếp đó chi? Và chung qui chim bạc má loại mésange trong vùng phu nhơn ở luôn luôn vẫn còn nhiều.

Người khác nuôi chim họa my, sấm lồng bề cao thật, cao, dưới đáy thả cát nhuyễn, dễ khi mỗi lần chim hót, chim cất cánh bay lên tận đỉnh lồng rồi phùng xoè thả mình rơi xuống sập sập, vừa xoay mình tròn, vừa lúi lo lảnh lớt, ai nghe ai thấy cũng mê.

Nhưng công phu và thanh nhã hơn hết là nuôi *chim bạch yến*. Tiếng rằng yến bạch, mà lông có nhiều sắc nhiều màu: con lông trắng gọi « *bạch* » đã đành, đến như con lông vàng dợt cũng lại là con *bạch yến*: người nào gọi « *hoàng yến* » hay « *kim tước* » thì cho người đó là câu kỳ!

Gần đây hơn nữa, bên Nhứt-Bồn, các điều cầm gia thiện nghệ có gây được một giống chim mới « *bạch yến màu xác pháo* », lông đỏ hồng hồng y như xác pháo nổ toang. Ngày nay tại Sài-Gòn giống chim này đã có khá bọn, chớ độ năm 1958, có một điều gia ở đường Thủ-khoa Huân, dám mua một con *lân-bết* Pháp, giá hơn tám ngàn bạc, — chỉ nội tiền chuyển tiền và bảo hiểm đi máy bay, đã là mười lăm ngàn quẻ Pháp (tháng 1958). Tôi thấy tận mắt con chim này, thấy luôn luôn chứng chỉ, có ký tên bảo lãnh đảng hoàng. Tôi ngân quỹ hỏi chủ gia, ông cười



nói « Tuy mua mất thật, nhưng mình gây giống ra và lấy vốn lại không mất hồi ! » Riêng tôi, tôi nghĩ khác : « nếu con chim vì thiếu sản sóc hay vì lẽ nào, không sống được trên đất Sài-Gòn nóng nực này, thì chẳng là tôi tiền ? Thôi đi ông bạn ơi ! Tôi có được số tiền như ông, tôi sẽ mua một cái dộc bình Khang-Hy, mình vuông, vẽ « tiền, hậu Xích Bích », có đề hai bài phú của Tô Đông-Pha mà tôi ao ước bấy lâu nay, Tết đến tôi cắm mai, ngắm nghĩa đủ hai vợ chồng, giặc đến, tôi chạy trốn bỏ nó ở lại cũng không tổn công cho ăn cho uống. Ông nói nuôi chim thú lợi, vậy chớ cái bình của tôi, gặp thăng Nễ thăng Tây nào gần hơn hai đứa mình nữa, nó hỏi nài, chừng ấy ông sẽ biết tay tôi ! Hy ! Hy ! »

Thử dỡ từ điển Đào Duy Anh, tra sơ thì thấy :

— *serin, canari, serin d'or* : hoàng yến hay kim trúc (hình số 1) ;

— *jaune serin* : màu vàng của chim bạch yến, màu vàng lợt ;

— *jaune queue de serin* : vàng hơi đậm ;

— *seriner* : cách tập bằng kèn *serinette* thối cho chim bạch yến hát theo.

— *serinette* : hộp nhạc để tập chim hát

Cứ xem nội bao nhiêu đó đủ thấy người phương Tây nuôi chim tìm đủ phương pháp tập luyện cho chim hát theo ý muốn, bằng máy móc, bằng đàn sáo, bằng giọng hát, v.v... không như bên mình chỉ biết tốn công nuôi và cho ăn, còn chim hát cũng không, phú cho Trời, Đất.

Tóm lại, bạch yến và hoàng yến đều là giống chim sanh sản từ quần đảo *Canaries* ở Đại-Tây-Dương, người Tàu đem qua bán trước tiên và nay người mình gây giống cũng nhiều.

Còn một thứ bạch yến, lông pha vài sọc đen, định cho là giống chim lai căn lâu đời, vì lúc ở ngoài trời có thể bạch yến mái bị se sẽ trống hay loại chim khác làm « điều ó nhục ».

Tục truyền muốn có chim hát hay, nên lựa giống bạch yến mình thon dài, đầu giẹp giẹp, chớ giống mình tròn núc na, đầu to như đầu chim se sẽ thì ít con hát giỏi.

Đừng lộn bạch yến với *hoàng oanh*, hay chim oanh (loriot) màu vàng anh, cũng biết hát và vẫn có danh với câu bắt hủ : « con oanh học nói trên nhánh mĩ mai » (K.V.K.).

Đến như chim bạch yến nuôi lâu đã biết hát, có người còn cầu kỳ lập dị, kén cho được chim « *tốt lông tốt bộ* », dùng lót cách nào cho khéo mới là phải điệu, đầu cắt xéo làm sao, cánh nghiêng nghiêng thế nào, như vậy mới là đẹp. (Không khác cô ca sĩ, chẳng những hát hay, mà phải đứng lè, đứng khòm, đứng cúp đầu, dường đủ thứ.) Đến như tiếng chim hát, lại kén phải tiếng dài, tiếng vắn, lên bổng xuống trầm, phải phân minh và phải ra làm sao mới là trúng cách, hát cụt ngủn, hát lè nhè, thì hoặc đó là con chim mơ chưa biết hát, hoặc chim không có hậu, hoặc đó là con chim bày diêm, chủ chim sắp suy tàn !

Nhưng chim hay mặc chim, chớ khá hờ hững sơ sẩy chim gặp mèo thì khôn !

Ngày nay tiền giấy bạc giấy đã nhẹ về thể chất thì chớ, thêm nhẹ về giá trị, cho nên một con chim hay giỏi, có người dám mua bạc ngàn bạc vạn, con chim tầm thường có khi cũng đến hơn năm trăm bạc mỗi con.

Nuôi bạch yến cho ăn bằng tấm giã nhỏ, lựa tấm gạo giã tay cho ăn tốt hơn tấm chà máy, vì tấm chà mất hết sinh tố, chim ăn lâu ngày sanh bệnh trĩt. Người nuôi chim nhiều, nếu có đất rộng, nên trồng giống cỏ bông lấy

hột tươi, hột mới, cho ăn chim càng thêm khỏe mạnh. Thỉnh thoảng phải cho ăn xắt lách và trứng đồ hột gà. Có người tập chim ăn rau sam, vừa đỡ tốn lại được phần dễ kiếm. Phải lấy nang mực khô treo trong lồng sẵn cho chim gặm để thêm chất vôi làm vỏ trứng, không thì chim chậm đẻ. Lấy cỏ khô dăm bèo sạch để sẵn cho chim tha làm ổ. Lại phải năng thay giấy hay vật chi lót đáy lồng cho được tiêm tất tránh mùi hôi của phân chim.

Còn nhớ năm xưa tại chợ Sa-déc, có ông thầy thuốc Tàu, rất phong lưu, danh gọi ông thầy *Lâm Quang*, vừa giỏi nghề y dược, vừa có tài nuôi bạch yến, đời ấy không ai bì kịp. Ông có một cặp chim đặc biệt thuở ấy, đến bây giờ cách trên ba mươi năm, tôi ăn cơm lục tỉnh đã mòn răng mà chưa gặp con chim nào giỏi hơn. Chim ông nuôi trong lồng dương bằng tre bên Tàu tuyệt khéo, ông vẽ bên mang qua. Tự tay ông săn sóc con chim. Hồ nước uống, bể nước tắm, hũ đựng hột cỏ chim ăn, mỗi mỗi đều là những cổ vật đồ sứ hiếm hoi, cái dẻ « *Khang Hy* », cái dẻ « *Ung Chánh* » hay « *Càn Long* », vừa đẹp vừa quý. Cặp chim này, chủ cũng cũng phải, và mấy mươi năm về trước, nội chợ Sa-déc không ai không nể danh. Thuở ấy trong tỉnh thái bình, mỗi chủ nhật có lệ đấu xảo chim giữa một nhóm lương hữu đồng điệu. Sáng chủ nhật nào, sau buổi diễm tâm là tôi thấy các nhà chơi chim tay xách lồng tay xách ô dù, từ miệt Tân Quý, Tân Hưng, Vĩnh Phước, lễ tạ tại nhà lầu ông Lâm Quang trở mặt ra con sông Sa-déc, chỗ phố ngày nay còn lại một tiệm bán mì « *Mì chủ Dầu* » trên ba mươi năm danh tiếng. Trà thuốc vừa xong thì đem chim ra đấu. Ông Lâm Quang giấu kỹ lồng chim của ông trong thơ phòng phía trong. Ngoài này, nơi nhà cầu rộng lớn, gió mát hiu hiu từ Mũi Chợ Cồn thổi vào, chung quanh những chậu lan Trung-quốc quý lạ, hương xông thoang thoang, ông Lâm Quang ngồi giữa như vị chủ khảo trường thi, thông thả

xem các tay chơi chim lần lượt xúm nhau tuyển chọn những con chim nào hót hay để riêng từ lồng treo trên trầu nhà cầu, còn những chim bắt còn non thì cho đem lồng treo chung quang hành lang, xa hơn một tí, để tập nghe mà bắt chước. Lần hồi ông Lâm Quang chấm những con chim lành nghề cho đem vào giữa vòng quan khách ngồi. Khi các con chim ấy hát phỉ tình phỉ sức, thỏa thích ngỏ nguê rồi, chừng ấy ông Lâm Quang mới sai trể thân tin bước vào trong buồng đem lồng chim cung của ông ra. Ông cho treo lồng trên cao giữa nhà : các chim kia chưa biết gì vẫn khoa tài liu lo chi chút... Thoạt con bạch yến của ông Lâm Quang cất tiếng chào. Ban đầu chỉ nghe một giọng trong trẻo và lớn, áp cả tiếng các chim khác. Kế đầu tiếng vang như thác đổ, khi dồn dập cất bổng lên cao như suối reo đỉnh thượng, thoạt đổi giọng trầm nhẹ như gió tu rừng sâu, đó rồi thoạt vọt lên cao thật cao, không khác tiếng nước ào ào dồn chơn đá dựng. Liú lo, êm ái, khoan nhặt đồng đều, ngọc khua, sáo thổi cũng không bì. Khi chim ông Lâm Quang dứt tiếng hát rồi, là một sự êm lặng khắp trong ngoài : rười rượi bay cũng nghe. Các chim khác tự mắc cỡ vì lượng biết tài mình còn kém xa nên im hơi lặng tiếng đã đành, tội nghiệp các chủ chim, thua buồn cho công linh từ thuở trời sông, cũng biếng nói và quên phứt xã giao là đầu chi cũng phải vỗ tay *khen lấy lòng*.

Ông Lâm Quang truyền đem trà thơm, chén qui ra đãi khách, không quên hẹn tuần sau ông vẫn chờ chim khác đấu tài. Nhưng đào đâu ra con chim đối thủ, trong khi chuyển vận trong xứ còn là tàu hỏa, xe hơi cũng ít, chim Sài-gòn, chim Chợ-lớn làm sao hót lại chim ông Lâm-Quang, và tàu bay chở chim xứ lạ lúc ấy tuyệt nhiên không có.

Quên nói, cặp chim ông Lâm Quang, con đầu tài cao như vậy, mà nghe đầu con nhì, lúc hát còn điêu luyện hơn bội tam bội tứ, hèn chi tiếng đồn cặp chim ấy, lối năm

1930, là chim vô địch chợ Sa-déc. Ngày nay, sao đời vật đổi, năm rồi có việc ghé tỉnh cũ, hỏi thăm bạn xưa phần nhiều đã mất, khu phố dẫu hiu, nhà ông Lâm Quang nay đã đổi chủ, họa chăng quán mì còn đó, nhưng ác thay, răng cõ và bao tử bây giờ cũng làm cho mì kém ngon. Hỏi với vài câu thì chị «xâm» con xinh lịch bưng tô năm trước nay đã có cháu ngoại!

* * *

Tích xưa, *nuôi chim anh võ*, thấy ghi trong truyện Thuyết Đường. Vương Thế Sung chưa phùng thời, lãnh mạng đi tìm chuộc con anh võ của ông viên ngoại đồng lãnh sây lông. Gặp chim trong nhà một lão viên ngoại khác. Nấu nỉ ráo nước miếng cũng không cho chuộc. Nói thiệt, tên viên ngoại ác lắm cầm con chim khôn xé ra làm hai quăng cho Thế Sung đem xác về cho chủ. Đêm ấy Thế Sung trả thù, chặt đầu viên ngoại ác, viết phản thơ trên vách, lui vào rừng chiêu binh xưng phản vương, tung hoành mấy năm, ai muốn biết rõ xin tìm mướn hay mua bộ Thuyết Đường!

Sân trôn cũng nên kể luôn năm xưa đọc sách, nay cũng không nhớ rõ trong bộ nào hồng dẫn chứng — có nhắc chuyện một anh chàng lái buôn đi thương mại phương xa, chẳng may gặp cảnh nghịch: mua cao bán hạ, không bao lâu vốn liếng gần cạn, buồn lòng thả ra chợ dạo chơi. Anh thấy bán một giỏ chim — độ trên trăm con cun-cút, — anh bỏ tiền ra mua, định sau này bán lẻ lấy lời chi độ lần hồi về xứ. Dem chim về chỗ ngủ, thì trời đã tối, cũng chưa kịp đếm, đề vậy một đêm sáng ngày ra xem thì trời ôi, thấy dư trăm con xác chết nằm dưới đáy lồng, trừ phi một con duy nhất, mỏ dữ mắt lạnh, hiện đứng trên nhánh cây giữa lồng, hùng hùng củ củ, oai như một tướng soái thẳng

trần. Anh lái có ý định giết nốt con chim còn lại cho đã nư giận, song chưa nỡ xuống tay. Ấy cũng may đời cho anh, hoặc vận cũng đã mãn, khiến anh giữ con chim duy nhất ấy lại. Quả nhiên về sau, anh đem chim dâng cho quốc vương xứ ấy, ông vua này có tiếng là thích chơi chim, ông ra bày trò cho chim đá cấn, đá lộn, cấn lộn, ông xem trò ấy lấy làm thú. Khỏi nói, khi gặp con chim duy nhất của anh lái buồn, trong xứ không có con nào đối thủ. Nhờ đó anh lái buồn có tiền gây dựng cơ nghiệp không mấy hồi. (Tích này nay rõ lại có đăng trong báo Tự Do số ngày 12-1-1959, nhan là «Vương Thành» của ông bạn thân Nguyễn Hoat dịch rút trong Liêu Trai chí dị).

* * *

Một chuyện khác nữa kể rằng có một người nuôi chim dạy chim hát ca, dạy đủ thứ tiếng nói, đi đâu thầy trò cũng không rời nhau. Một bữa qua xứ lạ, đem chim theo, lỡ đường hụt tiền ăn, người chủ lấy làm buồn. Chim vụt nói: «Sao không bán tôi đi? Bán tôi thì chẳng lo chi tiền ăn.»

Người nuôi chim. — *Tao không nỡ bán mày.*

Chim nói. — *Không can chi. Chủ lấy tiền rồi phải đi cho chóng, qua phía Tây khỏi thành hai mươi dặm, chỗ cây đại thọ mà đợi tôi.*

Người nuôi chim nghe lọt tai, đem chim vào thành, và đi và nói chuyện với chim, ai nấy thấy lạ bu theo coi. Xảy có người trong Nội gặp làm vậy chạy về tâu vua, vua liền đòi chủ chim báo bán.

Chủ chim tâu. — *Kể từ lần trước nuôi chim, mền tay mền chơn, đi ở không lìa nhau, dầu túng cũng không đành bán.*

Vua hỏi. — *Chim, mi muốn ở lại đây với trăm hay muốn theo chủ?*

Chim trả lời. — *Muốn ở!*

Vua mừng. — Chim lại nói. — *Như mua thì trả mười đồng thôi, đừng trả nhiều!*

Vua khen chim khôn, hối nội thị lấy đủ mười đồng ra trả. Người chủ chim giả bộ giận dữ, lấy tiền quày quả ra đi. Vua nói chuyện chơi, chim trình thưa bặt thiệp, vua dạy đem thịt cho nó ăn, chim ăn no lại đòi lắm. Vua sai lấy chậu vàng múc nước, mở cửa lồng cho nó ra tắm. Chim tắm xong bay lên mái điện đứng rửa lông, nói chuyện với vua ráo rề. Khô lông, chim sẽ cánh nhảy nhót rồi nói: «*Tôi đi nhé!*» Chưa kịp ngó, nó đã bay đi mất. Vua cùng nội thị ngửa mặt thương tiếc, hối đi kiếm thì chủ đi phương nào và chim bay về đâu không ai biết được.

Sau có người còn gặp chim và chủ đưa nhau dạo chơi một phương xa.

Thêm một tích nữa gọi «*Chim trả thù*», rút trong *Truyện giải buồn* của ông Huỳnh Tịnh Của (bộ sách này rất hiếm có).

Tích rằng: «*Chùa Thiên-Tân có chim sẻ làm ổ trên «Thu kỹ» (chỗ hai mái nhà giao lại, về sau danh từ này nói trại đi, lâu ngày không ai biết rõ, và trong Nam quen gọi chỗ ấy là «khu dĩ»).* Trên ván bưng có một con rắn lớn, mỗi khi chim vừa đủ lòng ra rần thì rắn bò ra nuốt hết, chim mẹ buồn thảm, kêu la ít ngày rồi bay đi mất. Ai dè nó còn trở lại, và năm thứ ba, thấy nó làm ổ như trước. Con nó vừa lớn lên, nó liền bay đi, ba bữa mới về vào ổ kêu con ra cho ăn... Rắn bò ra, động ổ sẻ con thất kinh kêu la thảm thiết, chim mẹ bay bổng lên mây xanh. Một hồi nghe có tiếng ào ào, trời đất tối tăm, ai nấy đều sợ hãi, ra coi thì thấy một con đại bàng điều, cánh sẽ che khuất mặt trời, ở đầu trên không ừn ừn đáp xuống, đánh một vút, rắn kia

đã đứt dần, phá ổ rắn tan nát rồi chớp cánh bay đi, hai con sẻ bay theo như tiễn đưa. Thật là kỳ dị. Trong sách kể tiếp chim sẻ vút bay, vắng đi ít lâu rồi về, là lập tâm trả thù đã sẵn; kịp khi sanh lứa sau, rắn ăn quئن, sẻ bay ba ngày trở lại, rắn chưa kịp nuốt chim non thì mỏ chim thần đã đánh rắn đứt làm hai, tuy biết đó là chuyện thần thoại nhưng hấp dẫn vô cùng, biết chừng đâu là chuyện nửa thiệt nửa bịa cho thêm duyên?

Một tích khác thuộc về *chim hồng*. — Xưa kia có người đánh bầy dặng một con chim hồng, chim trống bay theo về tận nhà, bay lên đập xuống kêu la tối ngày rồi mới bay đi. Sáng ngày người đánh bầy dậy sớm đi ra ngoài thì thấy con chim trống bay tới rồi và kêu và bay theo dậu một bên chơn. Người ấy liền chụp mà bắt nó luôn. Chẳng dè con chim nghiền cổ mửa ra một thoi vàng. Người đánh bầy hội ý bèn thả con chim mái, cả hai bay quئن trên cao giấy lát thì bay mất.

Rõ là chim mà còn biết đem vàng chuộc vợ.

Sau rồi, đây là một chuyện giai thoại chứng rằng người mình, đối với khoa học, rất là dễ dãi.

Chuyện kể lại rằng thuở xưa trời đất biến sanh thú vật cũng chưa lấy chi làm đủ, hoặc có con thiếu chơn, hoặc có con thiếu cánh. Nên sau có ba ông tiên giáng xuống trần nơi sơn lâm dặng cứu vớt những loài tàn tật.

Truyền rao hẹn trong ba ngày những con nào thiếu chơn thiếu cánh thì hãy đến cho tiên làm phép.

Khi ấy có một con vịt có một chơn, những mảng lo kiếm ăn không hay, qua ngày thứ tư, mới chạy đến lạy

Ba ông tiên. Tiên nói: «Mấy tới trễ, bây giờ chẳng còn giống gì mà trông thể cái chơn thiếu của mấy». Vịt cố năn nỉ lay lưc... Ba ông tiên cầm lòng không đậu, bèn bẻ một cái cẳng ghề mà làm phép, rồi thắp chơn cho con vịt, dặn rằng: «Nếu sau có về, đừng ngủ gì đều phải cho cần thận, phải co cẳng lên, chớ đừng có đạp những vật ở uế, cẳng này mà trở nên vô dụng, thì chúng ta cũng không biết lấy chi mà đền!»

Con vịt từ tạ ra về, dọc đường gặp một bầy chim, nào chà chiên, ốc cau, đỗ nách, đều là chim tàn tật, không có chơn mà đi. Vịt mách sao không lên kịp chỗ sơn lâm xin tiên trông chơn cho. Mấy con chim này nghe nói mừng khắp khởi, lật đật bay tới chỗ, khẩn cầu ráo nước miếng. Ba tiên nói: «Chúng ta có dặn phải trụ trong ba ngày, nay đã quá hạn kỳ, vật liệu đã hết, biết lấy chi mà trông cho bấy?» Nhưng chim nó lay lưc năn nỉ thiết yếu quá, ba tiên lợm nghệp, bèn nhổ một mớ chơn nhang làm phép vãi ra mà nói: «Đó chúng bay lấy thứ này cầm làm chơn mà đi». Chim kêu nài viện cớ sợ cộng chơn nhang nhỏ quá, e nửa chừng gãy đi biết lấy chi mà chấp.

Ba tiên nói: «Coi vậy chớ không sao! Không can chi mà phòng sợ! Cần thận hơn thì khi đậu xuống, chúng bay hãy nhún nhún ba cái thăm chừng, như có gãy thì lên đây ông thay cho thứ khác.»

Từ thuở ấy, chà chiên, ốc cau, đỗ nách, mỗi lần đáp xuống là nhún nhún thử cặp giò; còn chim vịt khi ngủ thì co lên một cẳng.

Lại Chơi Chim

DẪN: Bài «THÚ CHƠI CHIM» sau khi viết và đăng vào tạp san *BÁCH KHOA* (số 37 ngày 15-7-1958) một buổi nọ, tôi tiếp một ông bạn mới quen lần đầu nhưng ân cần mời tôi đến nhà xem cách ông nuôi chim. Bước chân vào biệt thất, tôi đã một phen giật mình: chim lồng lớn nê, chim lồng bé nê, nhà phố tuy nhỏ, hàng ba cẳng bé nhỏ, (đến đây tôi bồi hồi nhớ căn nhà cũ ở cùng một dãy đã từng che chở cho hai đầu xanh nay đã xa nhau vì bất đồng ý kiến... đường Thủ-khoa HUÂN) mà nhà ông bạn chứa chim ôi là chim, mỗi thứ mỗi loại, lồng đủ cỡ màu sắc khác nhau sắp đặt có ngăn nắp. Vào phòng khách, cũng lại là chim nữa. Trên bàn giấy, có một chồng sách khảo về điều cầm cao nghều nghệu: chủ-nhơn-ông chúng tôi là một nhà chơi chim lành nghề!

* *

Sau đó, ngày 27-8-1958 nhơn đến tòa Đô sảnh nghe lão TCHYA diễn thuyết, tôi gặp ông bạn thân, Bác Sĩ họ Ngô, dạy rằng: trong cuộc đấu chim bạch yến, có một danh từ không thấy tôi dùng trong bài của tôi, danh từ ấy là «sùy» dùng để tả lúc con chim trống nhà sừng sộ nghe con trống lạ, sợ mất cục cưng mái.

«Sùy» theo giọng Bắc, hay «Xùy» giọng Nam, coi vậy mà rắc rối ghê. Tôi ghi chép ra đây xin chất vấn hải nội quán tử. Theo tôi :

— *Thuyết thứ nhất.*— « Xùy » ắt do « Xuy » phát âm theo giọng Tàu (?) Xuy là thổi. Tỷ dụ: *Ngũ Tử Tư xuy tiêu khất thực. Trương Lưu xuy tiêu phá Sở bĩnh.*

Và xuy đồng là ống bằng đồng hay ống bằng trúc thường dùng để thổi đàn bầu chim.

— *Thuyết thứ hai:* Xùy hay Xoè, như xoè tay, xoè cánh, sau biến di thành « sè cánh » để nói hơn. Chim trống thấy chim lạ, sợ mất vợ, nên tranh đấu, Trước khi tranh đấu, phải làm cho chim địch thấy oai phong của mình, phải « gáy » phải « xoè », « xoè cánh », « phùng xoè » v. v...

— *Thuyết thứ ba,* mới thấy trong tạp san « *Phổ Thông* » của anh Nguyễn Vỹ, số 56 ngày 1-5-1961, trong bài khảo về « điệu múa xoè » của người Thái thì tác giả, ông Cao Chu viết: « XOÈ: tiếng Thái có nghĩa là múa ».

Kết luận, xuy, xùy, xoè, còn trong vòng lẫn lộn thần diệu người cao minh chỉ giáo.

Tiếng Việt coi vậy mà khó: Tàu, Thái, Miên, Ta, mượn qua mượn lại, cắt nghĩa không ra.

Qua ngày 31-7-1959, nỗi thắc mắc trên được giải quyết một phần nào. Trong bài khảo cứu Pháp văn đăng trong SÉLECTION tháng Mai 1959, tr. 134-142, hai tác giả đứng tên chung là John và Jeanne GEORGIE viết rõ như vậy:

« Loại chim chóc dùng tiếng gáy vừa để tranh tài giành phần đất ăn ở và chia giới hạn giữa các loại điều cấm. Chim nào tiếng gáy thanh thoả chắc được luôn vợ đẹp. Tuy vậy, cũng cần nơi vị trí chiếm cứ được thắng lợi; nếu vị trí này lọt vào chốn thâm sơn cùng cốc thì đầu tiếng gáy êm tai tạo nhả cách mấy cũng không có con chim mái nào chịu đi theo vào đó! »

*
**

Nay xin trở lại *chim yến*. Những tài liệu này đã đăng rồi trong tạp san BÁCH KHOA số 47 ngày 15-12-1958, bài này của ông GIẢN đường Thủ-khoa HUÂN biên soạn, có nhờ tôi giới thiệu. Nay tôi xin phép ông GIẢN và báo BÁCH KHOA đăng lại đây cho đầy đủ, và thành thật cảm ơn ông bạn và tạp san có giá trị kia.

« *Chim yến* vốn gốc tích ở quần đảo *Canaries*, trong Đại Tây Dương, vì đó người Pháp đặt tên chim yến là « *Canari* » (tên khoa học thì: *Serinus Canarius*), còn người I-pha-nho và Bồ-đào-nha lại gọi « *canario* ». Đảo *Madère* và đảo *Acores* của Bồ-đào-nha rất nhiều chim này.

Yến sanh ngoài trời nhỏ con và mảnh dẻ hơn yến nhà. Lông yến rừng xám xanh có ánh vàng, tựa loại « *thanh yến* » ta nuôi trong lồng; trước cổ và ngực, thì màu vàng hơi xanh xanh, còn trán, gáy, nơi mí mắt, hai bên cổ và chỗ khấu đuôi lại màu vàng sẫm; lông dưới bụng hơi trắng, còn hai bên sườn thì có vạch nâu sẫm. Lông cánh và đuôi màu nâu sẫm có điểm vạch xanh ánh vàng.

Yến ăn hạt nhỏ, mầm lá non, trái cây ngọt và chín mồm, nhất là sung, vả, lúc chín nứt ra; nó ăn cả sâu và cũng nuôi con bằng sữa nữa.

Nó ưa thích những nơi có nước và thường tắm hàng đàn ở những nơi như vậy.

Mỗi năm yến sanh bốn lứa, mỗi lứa độ bốn đến sáu trứng. Chim cha và chim mẹ đều « *ham con* » và tận tụy săn sóc nuôi con chu đáo. Nuôi xong bốn lứa, yến bắt đầu thay lông; đến gần mùa đẻ sau thì yến mẹ đã tron lông mượt cánh. Ngày nay có người sáng trí không chờ chim mẹ ấp và nuôi, vẫn lựa chim mẹ xấu khác thay thế vai tuồng « *vú em* » để chim mẹ mau lại sức.

Yến làm ở ngoài trời, trên những cây ăn trái, thích lựa những chỗ (chánh) cây không cao lắm và cũng không thấp lắm.

* *

CHƠI CHIM. — Người ta bắt đầu nuôi yến từ đầu thế kỷ thứ XVI. Đầu tiên ở Âu-Châu, rồi tràn sang Á-Châu, sau cùng Mỹ-Châu.

Khi chiếm được quần đảo Canaries, người I-pha-nho bèn độc chiếm quyền bán chim yến ra ngoài quần đảo. Lúc ban sơ chim hiếm lắm và chỉ vua chúa, các nhà quý phái mới có được.

Trong hạ bán thế kỷ thứ XVI, có một chiếc tàu I-pha-nho chở rất nhiều yến định đem qua Í-dại-lợi, không may bị bão tố, tàu đắm nơi đảo *Elbe* (Địa-trung-hải), một phần yến xống ra sống tản mác trên đảo này. Nhờ hợp thủy thổ, yến sanh sản nơi đây rất lạ. Dân bản xứ nhờ đó làm nguồn lợi lớn, bắt chim bán đi khắp nơi: Í-dại-lợi, Thụy-sĩ, Đức, Pháp, Thổ, Nga, Bỉ, Hòa-lan và Anh-quốc. Người Đức có tài nuôi chim giỏi nhất. Nhờ nuôi trong lồng lâu năm, đời đời tuyển lựa nên sắc vàng chim yến lan rộng dần dần khắp thân thể chim, biến thành loại *yến vàng* tuyển như ngày nay thường thấy.

Chim yến đã thành một mối lợi quan trọng cho người Đức, và theo ước lượng đáng tin cậy, số chim hàng năm người Đức bán ra ngoại quốc lên đến số triệu con.

Dần dần người Đức trau dồi nghề thuật nuôi chim và gây riêng một loại yến hót tài tình. *Yến Harz* (sinh ở vùng Harz) là yến Đức hót hay nhất ngày nay. Người Đức lập hội nuôi yến, viết báo nói về yến, lập ra nhiều kỳ thi tuyển chọn yến hót hay để khuyến khích và phổ biến cách nuôi chim gây thành một loại riêng biệt, có một giọng hót khác hẳn yến ngoài trời.

Bây giờ hầu hết Âu-Châu đâu đâu cũng nuôi yến, nhưng mỗi nơi nuôi chim với mục đích không giống nhau. Đức và Ý nuôi chim cần nơi giọng hót, nước Anh thì chú ý đến màu sắc hình dáng lông và giọng hót. Riêng nước Pháp thì thiên về yến lông soăn (quần, không suôn sổng).

Vì khuynh hướng khác, nên người ta gây lẫn ra yến càng ngày càng khác xa loại chim gốc ở đảo Canaries có trước.

Những yến ta nuôi ngày nay sanh sống ở trong lồng đã hơn mấy trăm năm nên đã trở nên giống chim nhà, có thể xếp vào các loại gia cầm, gia súc, như gà vịt, bồ câu, v. v... Cánh của nó yếu đi và không đưa nó bay xa như chim trời được.

* *

YẾN NUÔI Ở ĐỨC. — Người Đức chuyên nuôi chim để hót, nên không chú trọng nhiều về màu sắc và hình dáng. Có hai loại:

— *saxon* và *harz*, hình vóc như nhau, giọng hót cũng tương tự. *Saxon* bầu con hơn, đứng ngả mình về trước, khi hót cổ có hơi phồng hơi và mở hoác mở.

Harz hình thon và cao hơn, đứng thẳng mình, khi hót, ngậm mỏ, cổ thật phồng.

Ngày nay loại *saxon* bị bỏ rơi và chỉ được coi như chim thường, không quý mấy. Loại *Harz* vẫn được săn sóc và chọn lọc, nuôi năng kỹ lưỡng để luyện giọng hót càng ngày càng thêm hoàn hảo, tận thiện tận mỹ.

* *

YẾN NUÔI Ở ANH. — Các loại được nuôi bên Anh là: *Yorkshire*, *Lizard*, *Norwich*, v. v... Phần nhiều những

yến này điều to con, nhưng không sai con (để ít) thêm nuôi con rất vụng. Người sành điệu thường cho chim khác ấp trứng và nuôi con thế.

* *

YẾN NUÔI Ở BỈ-LỢI-THÌ. — Những yến nước Bỉ có hai loại :

1) Giống *Malinois*, to con, hót hay, thường được gọi *Waterslager* hót theo giọng chim *Rossignol*, nhái tiếng thác reo, suối chảy, nước sôi. Loại này ngày nay ở Pháp đang giầy giống, đặt tên là *Rossignol de Paris* ;

2) Một loại yến nữa, ưa đứng còng lưng hay gập lưng lại như thẳng gù. Loại sau này, nay lan sang Anh, trong khi ở Bỉ còn lại rất ít, vì không mấy người thích nuôi.

* *

YẾN NUÔI Ở PHÁP. — Loại yến lông soăn ở Paris là do loại soăn Hòa-lan gây giống ra. Cho được thật đẹp như ý muốn, người Pháp tạo nên những làn lông soăn rất cân đối : ở lưng, ngang đầu vai, lông soăn phải phồng to lên, — còn lông ở hai bên ngực phải soăn châu vào giữa và phải úp lên nhau, làm cho giữa ngực chim như có một đường sâu (hồng). Con nào lông soăn không đều, không cân đối, thì mất giá trị. Còn lông trên đầu phải mượt sát xuống, trái lại ở gáy thì phải quăn ngược lên. Trông toàn thể con chim có thể mừng trọng một chị *Pa-ri-diên* kiểu diêm, sanh dễ tại kinh-dô hoa lệ, vì mùa đông thiên giá lạnh, đang ung dung quăn trên cổ ngà vóc ngọc một chiếc áo ngự hàn quý giá, dưới thân ngọc chuốt vàng trau lại mặc một cái áo dài hẹp đáy, để lộ hai chân mảnh khảnh, mỹ nhân ấy đang «*kim liên bộ bộ*», bước mau trên lễ đường...

* *

Ngoài những loại đặc biệt kể trên, để ta thấy khuynh hướng và thú ưa từng nước, ít lâu nay, người chơi chim

yến lại tỏ ra chú trọng về yến màu, con nào màu càng mới càng lạ thì càng được quý trọng, tỷ như : *Hồng yến* (hồng thật đỏ), hay *Hắc yến* (toàn đen). Yến đen, đến nay chỉ nghe đồn bên Anh quốc đã gây giống được nhiều, tưởng cũng chưa nhiều mấy, nên chưa ai ở đây trông thấy.

Cũng có nơi vừa gây giống yến màu, vừa tập chim hót giọng yến Harz. Biết chừng nào nước ta được có chim đủ *thinh lẫn sắc*, vừa kiều mỹ như gái Nam, vừa lãnh lốt giọng Dâm nước Đức, quận Harz ?

* *

YẾN NUÔI Ở NHẬT. — Từ đầu năm 1958, nhờ ở sự giao thông dễ dàng và mau lẹ bằng tàu bay thứ phản lực, nên có nhiều người thừa dịp qua tận xứ Phàn-tang đem về đây một ít chim yến đỏ và vài kiểu lông xinh xắn bằng tre hoặc thép. Tiếc thay trong những người có diêm phúc sang viếng xứ hoa Anh-đào, lại chưa có người chịu khó sưu tầm và học hỏi phương pháp nuôi chim yến của người chuyên môn Nhật.

Căn cứ vào những lông chim tinh xảo và loại yến đỏ mới lạ của người Nhật gây giống được, ta có thể nói không lầm rằng người nuôi chim nước Nhật đã đến trình độ cao siêu không kém nước nào bên Âu-Châu, hoặc bên Mỹ-quốc.

* *

YẾN NUÔI Ở VIỆT-NAM. — Người Việt biết nuôi chim yến cũng đã lâu, do người Tàu phong lưu đem qua ; nhưng ta chỉ biết chơi toàn *hoàng yến*, lác đác xen một ít *thanh yến* (vert). Còn yến trắng thì cũng mới có độ vài chục năm đây thôi.

Cách nay không bao lâu, người mình mua yến màu tận bên Pháp về nuôi như : *thanh yến* (vert), yến màu

lam (bleu), yến cà-phê sữa đậm (isabelle), yến lưng màu nâu lẫn đen dưới bụng đỏ sẫm (agate rouge), và hồng yến (rouge intensif). Những yến màu này đem về đây đã bắt đầu chịu phong thổ và có sanh sản rồi, nhưng kết quả chưa khả quan mấy, vì phần đông người nuôi chim hơi nóng và gấp, chưa chi muốn có nhiều chim lạ trước hơn ai, dễ mau thủ lợi, nên chim bên Tây vừa sang Việt-Nam, chưa « quen nước quen cái », đã dễ chung lông, ép « đồ mái », làm như thế chẳng những chim cha chim mẹ mất tiền chết yểu, không trường thọ, thêm dầu đẻ chim con, cũng không như ý muốn, không sống lâu dài.

Lại cũng có người lúc ghép chim, không để ý chịu khó chọn lọc màu sắc cho kỹ càng, thành thử dục được chim vá lang, xấu hơn chim cha chim mẹ, làm như vậy chẳng những hủy hoại giống chim của người tiền bối lâu năm gây tạo, tức di thực lại chứ không tiến bước nào.

Một tệ đoạn khác là người xứ ta không biết trọng chữ « tin », muốn kiếm được tiền thì không ngại gì mà không « lường gạt » khách mua hàng bằng thiên phượng vạn kế : lấy nước sơn diện phun vào lông chim yến giả chim màu hồng, màu xác pháo, v.v..., khách mua về ít lâu mới biết mắc mưu, muốn kiếm thẳng bọm bãi thì nó đã cao bay xa chạy.

(Thuật theo tài liệu của ông GIẢN ở đường Thủ-khoa HUÂN, đăng trong tạp san BÁCH KHOA số 47 đề ngày 15-12-1958).

* *

Viết đến đây, thoạt có người chặn tay, hỏi:

— Anh biết chơi chim chớ? Và còn chơi nữa hay đã thôi rồi?

— Xin đáp : « Tôi từng chơi nhiều năm lúc thiếu thời

và lúc có nhiều tiền. Nhưng tôi đã không nuôi chim từ khi rời bỏ tỉnh nhà lên Sài-gòn kiếm cơm từ năm 1947. Nuôi chim như tôi lúc trước cũng chỉ thêm tội bất hiếu, vì tôi chỉ ra công kiếm và bỏ tiền mua, mặc cho nghiêm phụ, nay nhớ lại càng thêm thương và hối hận, mặc cho cha già tự tay đan lồng khéo, thay tấm, thay nước, rửa lồng. Lại còn nhiều lẽ khác khiến tôi không muốn nuôi nữa :

1) Tuổi đã lớn, không thấy đó là thú vui. Thấy chim tự do ngoài trời hót, thú hơn thấy con chim làm cái việc ấy trong lồng. Độ trước mỗi chim năm, sáu, mười đồng bạc là nhiều. Nay giá chim từ năm trăm đến bạc ngàn bạc vạn. Chim đủ thứ màu, làm sao sắm kịp với người? Từ ngày có cuộc tản cư, di cư làm thân con người đâu phải ở ru-rú trong nhà hoải, sắm chim bỏ không ai săn sóc độ ba hôm, thì bao nhiêu tiền cũng mất, bao nhiêu chim qui cũng không còn.

Nhưng lý do chính đáng, nói thật ra là tại một bài văn cũ đến nay đọc còn thấy hiệu nghiệm như toa thuốc thần phương ; xin trích lục ra đây để cùng nhau đồng tâm :

« CÁI BUỒN CỦA MỘT TÊN TÙ GIÀ »

(Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti.

Bản dịch của PHẠM THUẬN CHH).

«Truyện tôi thuật lại đây là một truyện nhỏ mọn, một buổi tối kia anh Y-vê tôi đã kể cho tôi nghe.

Bữa ấy anh tôi đi theo cái thuyền binh, điệu ra ngoài bến một mớ tù phải đi đày Tân-đảo.

Trong số có một tên tù già lắm (ít ra cũng bảy mươi tuổi), có đem theo một cái lồng nhỏ, trong có con chim sẽ con ra đáng trân trọng lắm.

Anh tôi, nhân đứng không, hỏi chuyện lão. Coi lão không ra mặt ninh ác gì, nhưng cùng xích chung với một

chàng trẻ tuổi, thật là tay mặt hạng du côn, mắt cận thị, đeo nhỡn kính, mũi thon thon, mặt tái mét.

Tội lão là tội cướp đường cướp chợ già đời, bị bắt đã năm sáu lần, kết án ăn trộm và du thủ du thực. Lão nói rằng: « Khốn lắm! Thưa ông, đã ăn trộm một lần rồi, không sao chữa được nữa; nghề nghiệp thì không có, làm thuê làm mướn ở đâu cũng không ai dùng, ông bảo làm thế nào? Phải kiếm cách mà ăn, chứ sao? Cái án sau cùng của tôi là cái án ăn trộm một bì khoai, với lại một cái roi ngựa và một quả dưa. Sao không để cho tôi chết quách ở nhà, già cỗi như thế này còn đem đi đây làm chi cho nó cực? »

Thấy anh tôi có ý ân cần hỏi han, lão lấy làm vui mừng lắm, chỉ cho xem cái cửa qui nhất của lão ở đời: là một cái lồng nhỏ ở trong có con sẻ con.

Con sẻ nuôi đã quen, thuộc tiếng lão, ngót một năm trời ở ngục vẫn đậu trên vai lão... — Trời ơi! xin được phép đem con chim theo sang Tân-dảo, kẻ cũng đã khó nhọc thay! — Rồi lại phải làm cho nó một cái lồng để đi đường; phải kiếm gỗ, kiếm một ít dây thép cũ, lại kiếm một ít sơn xanh để sơn một lượt cho coi được.

Nói đến đây, tôi còn nhớ lời anh tôi thuật lại, không sai một chữ: « Khốn nạn, con chim sẻ! ở trong lồng ngày ngày ăn có một miếng bánh đen là thứ bánh lương tù. Thế mà vẫn ra dáng vui vẻ; vẫn nhảy nhót như các chim khác. »

Cách mấy giờ sau, tàu nhỏ đã áp đến tàu bễ, sắp sửa cho tù xuống để chở đi, đi cái chuyến xa ghê! Anh Y-vê tôi đã nhặng quên lão tù già, chợt đi qua đến gần chỗ lão ngồi. Thấy lão nói giọng thất thanh mà tay thì chia cái lồng nhỏ:

— Này ông, ông cầm lấy. Tôi biếu ông; họa có dùng được gì chẳng, để làm quà cho ông vậy...

Anh tôi cảm ơn, nói rằng:

—Ồ không. Lão phải đem nó đi chứ. Để sang bên ấy cho nó làm bạn cùng...

Lão già nói lại rằng:

— Trời ơi! nó không còn trong này nữa... Ông không biết ư? nó không còn đây nữa...

Nói xong thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má, thê thảm vô cùng.

Thì ra trong khi tàu chạy, kẻ xô người đẩy, cửa lồng mở ra, con chim sợ, bay ra ngoài mất, — rồi rơi ngay xuống bể, vì đã bị cắt cánh. Trời ơi! đứt ruột thay là lúc bấy giờ! Trông thấy nó bị nước xoáy, vừa rẫy vừa chết, mà không làm sao được! Thoạt tiên, cũng là cái sơ tâm tự nhiên, muốn kêu lên, muốn nhờ người cứu, muốn gọi ngay anh tôi mà kêu van, ... nhưng nghĩ ra, sợ nhớ đến cái thân phận khốn đốn của mình, bèn ngừng lại ngay: ai là người thương đến con chim sẻ của một thằng tù già như mình? ai là người để tai nghe đến lời kêu van nữa? Có đâu lại mơ tưởng rằng người ta sẽ dừng tàu lại để vớt một con chim sẻ chết đuối, — mà con chim sẻ của một thằng tù, ấy mới mơ tưởng vô lý chứ!... Nghĩ thế rồi ngậm miệng ngồi yên, nhìn cái hình nho nhỏ đen đen vẫn còn rẫy trong đám bọt bể xa xa; bấy giờ mới cảm thương cho cái thân phận mình tro troi một mình, nước mắt chan chứa, khóc cái thân cô thế cùng, khóc đến mờ cả mắt, — mà bên cạnh thì cái chàng thanh niên đeo kính là người bạn cùng xích kia, lại nhẵn nanh cười lão đồ hơi!

Bây giờ chim không còn nữa, cái lồng kia chu chỉ làm để nuôi chim, còn giữ làm gì; thấy anh tôi là người lính thủy có bụng tốt, ân cần hỏi đến chuyện mình, bèn

cổ đưa cho, muốn để lại cho cái di sản đó trước khi vĩnh biệt vô cùng.

Anh tôi cũng rầu rầu trong lòng, nhận lấy cái lồng, — để khỏi thêm phiền lòng lão già cô độc, khỏi ra ý khinh rẻ cái đồ vật của lão khó nhọc mới làm nên.

Anh tôi kể cho tôi nghe truyện ấy, tôi lấy làm cảm kích vô cùng, tôi nói lại đây, muốn phần không được một.

Bây giờ là đêm, đã khuya, tôi gần đi ngủ, Tôi bình sinh trông thấy biết bao nhiêu là cái khổ vỡ lở ra ngoài, ai ai cũng biết; biết bao nhiêu là bị kịch thảm kịch đâm nhau, giết nhau, mà không thấy cảm động gì mấy; vậy mà bữa này nghe nói cái khổ của lão già đó, bất giác như phá quả tim, đến mất giấc ngủ, nghĩ cũng lạ. Tôi nói:

— Có cách gì mà gửi cho hần con chim khác...

Anh tôi nói:

— Có, tôi cũng đã nghĩ thế. Ra chỗ người ta bán chim, mua lấy một con chim đẹp, bỏ nó vào lồng, sớm mai còn kịp giờ tàu chạy, đem ra cho hần. Cũng khi khó. Vả cũng chỉ có chú mới có thể xin phép sớm mai ra ngoài bến, ghé vào tàu mà tìm lão tù già đó, tôi cũng không biết tên hần là gì nữa. Nhưng mà... chắc có người họ cho là nực cười...

— À! hần chứ. Cái gì chứ cái thiên hạ cười thì không khỏi được!...

Rồi, một lúc, tôi tự ngẫm nghĩ một mình, cũng lấy cái ý ấy làm nực cười thật, mà tự mình cười, cười thầm không lộ ra ngoài.

Song tôi cũng không thi hành cái ý đó; sớm mai thức dậy, cái cảm giác lúc đầu cũng đã qua đi, tôi lấy làm truyện

trẻ con, truyện nực cười thực. Cái buồn của lão già kia không phải là cái buồn có thể lấy đồ chơi mà làm cho nguôi được. Khốn nạn! làm thân một tên tù già, cô độc ở đời, nuôi được con chim con đề làm bạn, đến nỗi tấm lòng đã nguội lạnh như băng như đá, còn cảm động được, chảy được những giọt nước mắt cảm thương, nay đã mất đi rồi thì đâu được con chim xanh trên trời, cũng không đến được con sẻ con bọ xén cánh và nuôi bằng bánh nhà tù đó...

Trích dịch trong thuyết bộ của
Pierre Loti, Phạm Quỳnh dịch
ra văn Việt. (Khảo về tiểu
thuyết, Phạm Quỳnh biên dịch,
Đông Kinh ấn quán xuất bản,
Hà-nội, 1929, trang 94-99).

PHẦN THỨ HAI
(PHỤ LỤC PHẦN THỨ NHẤT)

CHIM PHỤNG-HOÀNG

Phụng-Hoàng

I.— ĐIỀN TÍCH:

Phụng, phượng vốn là linh điền. Trống gọi *phụng*, mái gọi *hoàng*.

Phụng hoàng là giống chim lạ, quý. Người nước Tàu, nước Nhật, cả nước ta đều tin tưởng dinh ninh rằng khi gặp đời thái bình thanh trị, chim phụng hoàng mới xuất hiện.

Phụng hoàng tiêu là cái ống sáo tre. Sáo tre, chỗ miệng thổi giống hình mắt phụng.

Loan cũng đồng loại với phụng hoàng.

Loan phiêu phụng bạc: chim loan chim phụng bay tan tác. Khi nói về chồng vợ thì có nghĩa chồng vợ xa lìa. Khi nói về lối chữ viết thì hiền chữ đẹp sánh được bầy loan bay phụng bay đáp thung thăng.

Loan phụng hòa minh.— Cả hai cùng hát. Như đó, ta dùng điển này để chúc đám cưới, ước ao vợ chồng mới hòa hiệp lâu dài,

Loan tương phụng chữ.— Chữ viết đẹp xinh như loan liệng phụng bay.

Phụng hoàng vu phi.— Chim phụng chim hoàng đồng bay cùng nhau; vợ chồng hòa hiệp.

Phụng cầu hoàng.— Chim phụng tìm chim hoàng, đi cầu chim hoàng. Con trai đi tìm con gái. Tích Tư-mã

Tương-như gặp nàng Trắc Văn-Quân, hai người nên đôi vợ chồng, lá lay môi giới cũng vì bản đàn Phụng cầu hoàng.

Phụng cử. — Kể sử thần vàng mạng ra xứ ngoài, không khác chim phụng bay phương xa.

Phụng mao lân giác. — Lông chim phụng, sừng con lân, toàn vật hiếm có. Nghĩa bóng: con cháu hiền tài của nhà quý tộc.

Phụng minh triều dương. — Chim phụng kêu ở phía mặt trời mọc; diềm lành khó được. Người hiền tài đem văn chương ngôn luận đề hô hào (Tức diềm Đào Duy Anh).

Phụng-Sở. — Bàng Thống, đệ nhị quân sư của Lưu Bị đời Tam-Quốc: chim phụng còn non; người hiền tài.

Khảo sách Henri Doré (1) dựa diềm Tàu viết bằng Pháp văn:

1) Phụng hoàng có xuất hiện trên nóc điện vua Huynh-Đế (2697-2598 trước Da-tô);

2) Đời vua Thiệu-Hạo (2597-2514 tr. D. t.) phụng hoàng hiện ra lần nữa. Thiệu-Hạo-Đế lựa tên diềm cầm đặt trước phẩm trong triều.

3) Năm 2351 trước D. t., có một cặp chim phụng đến làm ở trên nóc điện vua Nghiêu.

(1) Recherches sur les superstitions en Chine, Henri Doré. — 1ère partie. — Les pratiques superstitieuses, — tome II, No 4, Chang-Hai, Imprimerie Tou Sè-Wè, 1912, p. 438.

II. — SỰ THỜ KÍNH CHIM PHỤNG:

1) Theo sử chép lại, đời Tiền Hán, triều vua Chiêu-Đế (năm 84 trước D. t.), đã có tục lệ thờ chim phụng.

Qua đời vua Võ-Đế, việc thờ chim phụng càng thêm thịnh hành.

Hoặc Quang tâu cùng Chiêu-Đế rằng hiền Đông có chim phụng ra đời (năm 84 trước D. t.) Chiêu-Đế sai quan ra tận Đông-hải tế chim phụng.

2) Năm 73 trước D. t., sử chép có bầy phụng xuất hiện tại tỉnh Sơn-Đông. Vua Tuyên-Đế lấy đó làm điềm lành cho ngôi cử ngũ của mình. Hoặc Quang tâu xin bày lễ tạ linh điều. Tuyên-Đế y tấu, và ban chiếu đại xá trong nước.

Ba năm sau, chim phụng hiện đất Lô. Ân xá một kỳ nữa.

Sau rồi, sử chép phụng hiện tại Phụng-dương phủ, tỉnh An-huy, vào đời Đại Minh Hồng-Võ.

Sách Henri Doré không kể truyện Thuyết-Đường, tích Tề Quốc-Viên chọi ở chim phụng tại Phụng hoàng san.

III. — HÌNH THƯ CHIM PHỤNG:

Như đã nói rồi, phụng là linh điều. Thuở thái bình, phụng ra đời. Con loạn lạc, phụng ẩn non cao, không cho người thấy.

Phụng là chúa trong ba trăm sáu chục loài chim (Henri Doré, trang 444).

Sách tả hình chim phụng: « đầu như đầu gà mái, mắt như mắt người ta; cổ rắn, tạng phủ y tạng phủ loài con

trùng, trán chim én, lưng rùa (1) ».

Duôi phụng giống đuôi cá, gồm mười hai lông tượng trưng mười hai tháng. Năm nào nhuận (theo âm lịch) thêm một lông, tượng trưng mười ba tháng trong năm ấy.

Tiếng phụng gáy có đủ ngũ âm, dịu dàng tiết tấu. Sắc lông có đủ năm màu (xem hình số 1). Theo thần thoại, phụng là kết tinh của « hỏa đức » và « nhật đức ».

Người Tàu vẽ chim phụng đứng châu mặt trời, gọi tích : « *Phụng hoàng triều dương* ».

Phụng sanh tại Đông-hải, tắm nước thanh tuyến (suối trong), sống tại Côn-sơn, ngụ tại Đơn-dộng. Phụng đáp nơi nào, thì có trăm giống chim bay theo châu hầu.

Phụng chỉ đỗ cây ngô đồng, ăn rỗng trái trúc (quân tử trước) chỉ uống suối tinh khiết.

Chim phụng cao sáu thước mọc (six pieds).

Một tích không thấy dẫn trong sách Henri Doré là tích « mẫu đơn phụng » vẽ chim phụng đậu kê hoa mẫu đơn (cả hai đều tượng trưng đàn bà đẹp).

Tích « rồng châu biển Bắc, phụng gáy non Kỳ » cũng không ghi trong sách Henri Doré.

Tôi biết có hai tài liệu quan trọng :

1) Trong quyển « L'Art à Hué » của cố L. Cadière, trong bộ Bulletin des Amis du Vieux Hué (tập san của nhóm Đồ thành hiếu cổ) năm 1919, trang 89-94, thì : Long là biểu hiệu của đẳng thiên tử, còn Phụng là tượng trưng bậc mẫu nghi thiên hạ (hoàng hậu).

(1). Il a la tête de poule, l'œil de l'homme, le cou du serpent, les viscères de la sauterelle, le front le hirondelle, et le dos de la tortue (Henri Doré, p. 444).

Mỹ thuật Việt-nam thường tạc hình phụng trên mái nhà, nóc đền, chùa, khi để đứng đầu đòn dông, khi vẽ vào bình phong, hoặc trên quạt giấy, tranh lụa, hộp sơn mài, v. v... Khi vẽ hình chim đúng như thật, khi vẽ kiểu « *phụng biến* », từ một nhánh hoa, một gốc kiềng, chẻ biến ra, mượn lá làm cánh chim, lấy rễ cây làm chân cẳng; một nhánh cây quẹo lại, đó là đầu con phụng ngó mặt ra sau đuôi, có đủ mắt, mỏ, móng; khách Tây-phương không hiểu nghệ sĩ trở hình gì, kỳ kỳ quái quái; người Á-Đông quen với thuyết Lão-Trang hư không huyền ảo lại thích thú và lấy làm tự nhiên khi thấy từ giới thảo mộc có thể sang giới sanh cầm điều thú dễ dàng (xem hình số 3, vài kiểu chim phụng).

Mộc biến điều : mẫu đơn, cúc (xem hình số 4); Cung nhon thảo (amaryllis) biến chim phụng, chim loan, v. v.... (Hiều như vậy mới thấy màu nhiệm của lời thơ « Tại thiên lý-dực điều. Tại địa liên-lý-chi ».)

Không nên lầm *phụng loan* cùng *hạc điều*, tuy cả ba đều là vật của tiên ông cõi làm chơn cẳng bay trên không gian, như mô tả trong truyện thần thoại Tàu « Kỳ hạc Tây thiên », « Giá phụng liên du », ...

2) Tài liệu thứ hai là « *Le Phénix fabuleux de la Chine et le Faisan Ocellé d'Annam* » (P. Jabouille — Bulletin des Amis du Vieux Hué, année 1929, p.171-186).— Do theo tài liệu này, chim « *Faisan Ocellé d'Annam* », cũng gọi là con « *Rheinardia Ocellata* » (J. Verreaux) đã được nghiên cứu kỹ càng kể từ năm 1850-1856 và mô tả rõ rệt từ năm 1882. Phái đoàn khảo cứu Delacour phải xuất hành bốn lượt, nhưng chỉ thu góp đem về, vừa chim bắt sống, vừa chim chết, cả thấy lối hai trăm con.

Ông U. Hachisuka, nhà thông thái nước Nhật, chuyên khảo về điều cầm (Pháp gọi « ornithologiste », hoặc « orni-

thologue») viết bài, dịch ra Pháp văn là « *Le Phénix de l'art chinois, si souvent représenté, aurait eu comme modèle, le faisan ocellé d'Indochine, ce qui prouverait des raisons d'ordre linguistique et historique* ». (B. A. V. H. Index 1914-1941, p. 69): (chim phụng mô tả trong mỹ thuật Trung-Hoa, thường vẽ ra hình, vẫn lấy kiểu nơi con chim *faisan ocellé d'Indochine* (trĩ xứ Đông-Dương); và chúng cứ còn nhiều trong ngôn ngữ học và trong lịch sử).

* *

Nay tôi tạm ngừng nơi đây phần điền cổ, để day qua phần khoa học, có lẽ thiết thực hơn:

— *Tài liệu theo các nhà học về điều cầm.*

Tập san « *Dô thành hiếu cổ* » (Bulletin des Amis du Vieux Hué), năm 1929, số 4 năm thứ 16, — Oct. Déc. 1929, trang 171 đến tr. 186, có đăng bài khảo cứu rành rọt bằng Pháp văn, tác giả M. P. Jabouille, vốn nhà chánh trị, từng làm Khâm-sứ Trung-Việt tại Huế, vừa nhà khảo cứu có biệt tài chuyên về điều cầm, lại cũng phong lưu tài tử, từng xếp đặt trong viện bảo tàng Huế—đỏ góp công với Sogny. Jabouille là đại diện tại Việt-nam cho Viện Bác-vật Paris (correspondant du Muséum de Paris). Năm xưa, bài của Jabouille viết rất đầy đủ, nay đọc còn hấp dẫn lắm. Tiến thay đó là văn Pháp ít người thưởng thức, nên tôi không nệ tài hèn, rân dịch như sau, mặc dầu lần thần, nhưng những ai thích khảo cứu ắt hẳn lòng dịch giả.

Chim trĩ « *Faisan Ocellé d'Annam* »⁽¹⁾ có khi gọi « *Argus* »⁽²⁾ vốn loại chim thuộc bộ môn Rheinardia⁽³⁾.

1) Ocellé: có điểm tròn hình giống con mắt.

2) Argus: loại trĩ riêng xứ Ấn-độ.

3) Lấy tên ông tìm gặp và thấy lần đầu chim trĩ tại Việt-nam mà đặt: ông Rheinardt.

Chim này chỉ ở trên núi phía đông dãy Trường-sơn (Chaine Annamitique) từ Nha-trang đến Vinh là dứt địa phận sinh sống của nó. Mặc dầu phái đoàn Delacour gia tâm nghiên cứu kỹ càng, nhưng đến ngày nay chim trĩ đối với chúng ta vẫn còn nhiều bí ẩn. Thuở giờ ít ai lên đến sào huyết của loại trĩ; những tay thiện xạ cũng ít khi hạ được trĩ sống, và không mấy ai thấy chim này, tuy ta vẫn tưởng việc ấy rất dễ dàng.

Trong hai trăm chim hoặc sống hoặc chết của phái đoàn Delacour thân thập, không con nào mang vết thương do ná dăm đạn bắn. Hai trăm trĩ này đều do người Khaleus và người sơn cước gài bẫy sanh cầm hoặc tuy bắt được còn sống nhưng đã phạm thương sau rủi ro mà chết; nhưng xét ra chim này mắc bẫy mắc lồng cũng vì tánh ưa phùng xoè khoe múa trước chim mái. Về sau nghiệm ra một con chim trống sanh cầm, dưỡng nuôi săn sóc kỹ lưỡng cách nào, được tự do thế mấy, cũng phải ít nữa đôi ba năm mới quen lồng và khứng múa me trước chim mái: dù biết loài trĩ chỉ thích sống tự do ngoài trời, không ưa cảnh bó buộc trong lồng và luôn luôn nhớ cảnh rừng rú núi non của nó. Trĩ nuôi có khi cũng dễ trứng, nhưng ấp ít nở, dầu nở chim con sống vài tuần nhứt rồi cũng chết (có lẽ vì lúc ấy khoa nuôi chim chưa tiến bộ).

Khoảng năm 1850 và năm 1856, ông J. Verreaux, nhà bác vật học phụ trách Bác Vật Viện Paris, có đề ý đến sự cách biệt giữa sắc lông trĩ Mã-lai (Argus de Malaisie, Argusianus Argus) lại với vài lông chim trĩ rời rạc mua nơi xứ nào không rõ ắt nhưng lúc ấy nguyên của vườn bách thảo Paris tàng trữ. Sau khi khảo xét kỹ lưỡng, J. Verreaux bèn quả quyết rằng lông chim rời thuộc một loại trĩ lạ, chưa ai từng khám phá, và hơn vì lông này có hoa tròn như con mắt, nên y đặt tên là « *Argus Ocella-*

tus». Về sau, tên này đều được các chuyên gia nhìn nhận là đúng (Ch. Bonaparte, G. R. Gray, v. v...)

Có nhiều nhà du lịch từng gặp nơi nhà hoặc trên tay người Việt thời ấy nhữ g lông chim lạ này mà lúc đó chưa ai bắt gặp nơi chỗ nào khác bao giờ. Tập san T'oung Pao năm 1904, số 5 trang 553, thuật lại năm 1819-1820 đã có trung úy Rey viếng núi Ngũ-hành tại Đà-nẵng. Nơi đây Rey thấy nhiều giống chim lạ chưa từng gặp chỗ khác như là Rey thấy một bộ lông quý, theo Rey giống chim sản xuất mỏ lông này dường như chỉ sanh sống riêng biệt vùng núi non hiểm trở đất Phú-Yên mà thôi. Người bản xứ gọi đó là « kim try » (chim trĩ) và kinh như thần diệu. Kim try lớn bằng chim bồ câu, mỏ đỏ, đầu đen, cổ trắng, cánh màu hoàng kim (vàng), ức bụng và lông đuôi thì màu xám tro (xem hình số 5). Lạ như là đuôi lông dài trên tám thước mốt (8 pieds). Chính là lông Rey thấy, tuy đã ngắn đi một đoạn, vẫn còn do được 5 pieds 2 pouces (5 thước 2 lấc Anh). Tuy còn đôi chỗ lệch lạc, nhưng tài liệu này nay nghiệm ra quả phù hợp với tình trạng con Rheinardie d'Annam) vậy (hình số 5).

Năm 1871, một điều cầm gia khác, ông D. G. Elliot lại khảo về chim trĩ này và viết bài khảo luận xác đáng hơn bài của trung-úy Rey. Trong sách in năm 1872 nói về loại chim Phasianidés (các loại trĩ), Elliot in hình màu một lông đuôi trĩ « faisan Ocellé » họa hình lớn bằng lông chim thật. Ngờ đâu bài khảo luận của D. G. Elliot gây ra một cuộc bút chiến sôi nổi giữa ông và các điều cầm gia khác. Elliot bị chế nhạo đủ điều, có kẻ lại nghi ông lấy lông công « paon spicifère » mà gán cho con chim ông mô tả. Học giả khác lại cười ông khéo bày một con chim quái gở bằng cách mượn vại lông rồi rắc mà đồ chừng một con chim hình sắc như vậy như vậy, kỳ trung chè Elliot chưa thấy nguyên hình con chim « lạ » ấy bao giờ.

Khen cho Elliot chẳng sờn lòng, nán đợi đến năm 1882, tìm dịp « trả đũa » và trưng bằng chứng hẳn hoi để cải chính cái đốt nát của các điều cầm gia khác và bêu giếu họ lại. Cũng năm 1882, Bác Vật Viện Paris tiếp nhận hai bộ xác ướp chim trĩ còn nguyên vẹn do Miến Trung-phần Việt-Nam gửi qua :

1) Bộ thứ nhất mua hai ngàn quan tiền Pháp, do nhà điều cầm Maingonnat gửi; chim này do Trung-tá Rheinardt, tùy viên sứ quán Lang-sa tại Huế tặng ông ;

2) Bộ nhì thì Viện Bác Vật tiếp nhận của Le Myre de Villiers, viết lộn chằng? Thực ra : Le Myre de Vilers lúc ấy là thống-đốc Nam-kỳ được triều đình Huế biểu.

Bài phúc trình gửi lên hội nghiên cứu thú cầm Pháp-quốc đề ngày 12 tháng sáu năm 1882 và loại trĩ này được đặt tên là Argus Rheinardi, Rheinardia Ocellata, Rheinardius Ocellatus, Rheinardtius, Ocellatus, vân vân; rồi lại hội thú cầm lựa danh từ đầu tiên mà đặt tên chim; danh từ ấy đến nay vẫn dùng, ấy là « Rheinardia Ocellata » (J. Verreaux).

Tập san « Science pour tous » (Khoa học cho khắp mọi người) số ra ngày 8 tháng bảy năm 1882, tả hình trạng chim trĩ xứ Việt-Nam rõ rệt lắm. Qua tháng chín cũng năm 1882, tạp chí « La Nature » khắc bản cây in thành sách hình trĩ này.

Hai con chim kiểu mẫu đầu tiên của Bác Vật Viện Paris vốn là hai trĩ trống tìm gặp tại đỉnh núi hướng Tây gần kinh đô Huế.

Tiếp theo đó, bác sĩ Philipp, cũng là tùy viên sứ quán Pháp tại Huế, gửi thêm tài liệu rành rẽ về chim trĩ, những tài liệu này nghiệm lại khá đúng và vẫn còn dùng được.

Bác sĩ Philipp cho biết chim của Trung tá Rheinardt

gởi qua Pháp, nguyên của mục sư Renauld, chủ đồn điền Ba Trúc (cách Huế hai mươi cây số ngàn) được người sơn cước biếu. Lúc dâng cho mục sư, chim vẫn còn sống, nhưng có lẽ đã bị thương. Chim chết đi, Renauld lấy da lông đồn thuốc, ướp xác kỹ càng, thịt thì nếm thử, nên viết trong thư rằng: « Đây là con chim trống. Thịt nó màu sậm và ngon như thịt chim faisán » (1).

Cả hai giống chim faisán Ocellé và chim *Carpococcyx* đều thần bí lắm. Không bao giờ các tay khảo cứu hoặc nhà điều cầm thấy nó tại chỗ sinh sống của nó, mặc dầu biết chắc nơi trú ẩn của hai loại này chỉ là vùng đèo Hải-Vân và đèo Phú-gia mà thôi.

Nhiều đoàn thám hiểm như phái đoàn Pavié, đoàn của bác sĩ Harmand, phái đoàn của hầu tước Barthélemy, vẫn tốn rất nhiều công phu, tựu trung không thu được kết quả là bao cho ngành động vật học. Loài thú cầm Đông-Đương nội chung và của Việt-Nam nói riêng, về sau được thế giới chú ý nhiều là vào những năm gần đây mà thôi.

Phái đoàn Delacour được chánh phủ Pháp thời ấy trợ cấp dồi dào nhưng cũng không làm gì có kết quả; di tích chim trĩ faisán Ocellé vẫn mai một và bất tông tích cho đến năm 1882 mới khởi công tìm tòi lại nữa. Một dịp may bất ngờ xảy ra trong thời buổi ấy là người sơn-cước Kha-leus hiến nạp một lúc cho phái đoàn: đến cả sáu chục chim trĩ; tiếc thay khoa học thời ấy chưa biết cách thế nuôi dưỡng loài chim chóc để chúng bị chứng bạch hầu (diphthérie) mà chết lần mòn. Một vài con sót lại khi chở qua đến bến tàu Marseille, lối tám ngày sau cũng « ngủm củ đèo » luôn.

(1) Lão Renauld về sau, còn tìm ra một giống chim lạ nữa, đó là *cu dất* đặt tên là *Carpococcyx Renauldi*.

Ngày nay, nhiều vườn công cộng Âu-Châu và nhiều tư gia các nước vẫn nuôi chim Faisans Ocellés d'Annam và chim vẫn sanh sản như ở rừng rú (nghe nói ngoài Huế có người nuôi).

Phái đoàn Delacour xuất hành trước sau làm bốn kỳ và kết luận là giống trĩ Faisán Ocellé gần như là chim riêng biệt xứ Việt-Nam, chỉ sanh sản tự do trên khuỷnh đất này; như cũng thì dãy Trường-sơn (Chaine Annamitique) nhưng triền núi bên Lào thì không có chim trĩ ở và chỉ triền bên Việt-Nam mới có chim trĩ ở mà thôi.

Trong bộ sách « Transactions Meiji Japan 3 ty », quyển thứ XXIII, xuất bản năm 1925, từ trang 1 đến trang 13, nhà điều cầm Nhật M. U. Hachisuka có viết một bài khảo luận về chim phụng-hoàng Trung-quốc, và ông này đề quyết phụng-hoàng đích thực là chim trĩ faisán Ocellé d'Annam của nước ta vậy. Năm xưa, ông Jabouille có xin phép Hachisuka dịch bài khảo Nhật-ngữ ra Pháp-văn, đăng trong tập san Đô-thành hiệu cổ (B.A.V.H.) nay tôi mạn phép dịch lại văn Việt như sau:

« Đã nhận ra chim phụng-hoàng rồi.

« Có hai giống chim linh, thường được các sách vở « Trung-hoa, Nhật-bản nhắc đến; ấy là *Phụng-hoàng* « *fung-huang* và *loan* (luan). Nhật gọi *Hô-O* và *Ran* (luan) « Anh gọi *Phoenix* ».

Chim phụng và chim loan, thường vẽ hình gần như nhau. Họa sĩ Trung và Nhật đều vẽ một cách; lúc vẽ thường phỏng theo hình gà rừng, hình con công hoặc một loại trĩ xứ khác. Từ thuở nào đến nay, các điều cầm gia Á-Đông vẫn in trí rằng *phụng* và *loan* là linh điều chỉ trong thần thoại mới có, nên không mấy khi tìm tòi kiếm thế tả hình dạng nó ra gần như thực, và định ninh trong óc

nước nhà thái bình thanh trị mới có giống chim này xuất hiện.

Danh từ gọi chim này trong Nhật-ngữ xét lại thì gần đúng danh từ của đời thượng cổ Trung-Hoa:

HỒ (P'ENG) (BẮNG) là danh từ đời xưa dùng để gọi giống chim to lớn khác thường (*dại bàng điều*). Sau đó đặt ra danh từ *HỒ (FENG) (PHỤNG)*. Những danh từ này lúc đó đồng nghĩa với nhau. Tục truyền khi chim phụng bay, thì có cả bầy chim khác giống cùng bay theo châu hầu, kẻ cả ngàn con như vậy; vì đó danh từ *HỒ (P'ENG) (BẮNG)* được dùng để chỉ người bầy hữu. Lần hồi, Trung-hoa và Nhật-bản đồng bỏ nghĩa thứ nhất và dùng danh từ « *BẮNG* » với nghĩa thứ hai của nó là bầy hữu.

Tác giả Nhật, ông Hachisuka, nhất quyết « *Phụng-hoàng điều* » quả là giống faisan Ocellé (*Rheinardia Ocellata*), còn « *Loan điều* » lại là con faisan Argus xứ Mã-lai (*Argusianus Argus*). Hachisuka phân tách hai loại chim như vậy:

Sách tả « *Phụng-hoàng* » và « *Loan* »:

— Đầu gà, cổ rắn, cằm én, lưng rùa, đuôi cá. Lông ngũ sắc, bề cao độ sáu thước mộc. (Cet oiseau a une tête de coq, un cou de serpent, un menton d'hirondelle, un dos de tortue et une queue de poisson. Il a cinq couleurs et sa hauteur est d'environ six pieds).

Bây giờ ta hãy lần lượt phân tách từng chi tiết trong con chim faisan Ocellé:

1) *Đầu gà (tête de coq)*.— Sự thật đầu chim trĩ khá giống đầu gà cồ. (xem lại trong hình).

2) *Cổ rắn (cou de serpent)*.— Cổ chim trĩ dài, khi đứng thường cất cao như cổ rắn, thêm ít lông (peau presque dénudée du faisan Argus).

3) *Cằm én (menton d'hirondelle)*.— Tác-giả viết, tôi không hiểu nên lược bỏ.

4) *Lưng rùa (dos de tortue)*.— Lưng chim trĩ faisan Ocellé d'Annam, lông xếp lô nhỏ, chót cánh thêm tĩa ra đều đều, và có chấm lằn-tấn hình vẽ lục giác gần như da qui. Những đốm những lằn trở như thế khiến ta tưởng tượng giống da rùa, da qui cũng được. Có sách xưa tả lưng trĩ *da hổ*.

5) *Đuôi cá (queue de poisson)*.— Hình chim trĩ khô, đuôi trĩ đẹp-đẹp gần như bánh lái thuyền, tạm gọi giống đuôi cá cũng được đi.

6) *Lông trĩ năm màu (cinq couleurs)*.— Người Trung-hoa tra nói « ngũ » (*năm*), nói « thất » (*bảy*) nói thiên nói vạn, lựu trung đó là số nhiều.

7) *Trĩ cao sáu thước mộc (six pieds de haut)*.— Văn đề thước tác Trung-Hoa, không có chi là nhất định. Tùy thời đại, tùy địa phương, cây thước mộc dài ngắn khác nhau. Thêm nữa nào ai rõ được khi người xưa tả hình dáng chim trĩ, đo bề cao đo từ chót mỏ dài đến chót đuôi, hoặc từ trên đầu đo xuống cẳng, đo chim nằm hay đo chim đứng? Trong câu văn của Tàu: « *con gà con chín màu trốn trong cụm rừng rộng ngàn dặm* » (un poussin de neuf couleurs dans une forêt de mille li). Nay tả chim trĩ lông đủ năm sắc (un phoenix a cinq couleurs) để ai biết được ý tác giả muốn nói gì!

Đến như giọng hót của loài trĩ, tác giả Nhật Hachisuka ghi chim trống có tiếng kêu nghe như « *How-How (?)* », tiếng này lặp đi nhái lại mười, mười hai lần mới chịu thôi. Khi chim trĩ gáy trong một khu rừng nào thì chung quanh nếu có trĩ nào thì con chim ấy tức thì đáp lại, gáy

1) Hãy so sánh với tiếng Việt, ta gọi « *con công lỗ huyệt* » (gáy).

trả lời như gà trống trên sân nhà, đầu cho có tiếng sừng nổ bên tai, chim trĩ cũng vẫn hót như thường.

Trĩ mái kêu tiếng nghe như « *How-Owoo, How-Owoo*¹⁾ » và tiếng chót lại ngân dài, kêu cũng lối mười, mười hai tiếng, đến tiếng chót thì dồn dập giòn đều nghe như một đọc « *Owoo* ». Tiếng chim trống và chim mái kêu nghe xa mấy dặm trường.

Tác giả Nhật kết luận tiếng « *Phụng* » dùng để gọi chim trống và « *Hoàng* » để gọi chim mái, vẫn là tiếng nhái, nghĩ-thanh-từ của loại chim này (onomatopée).

Một điều-cầm-gia nghiên cứu về loại trĩ xứ Mã-lai, qui danh là Beebe ghi rằng người Mã-lai gọi chim trĩ trống (Argus male) là « *KUAN* » hoặc « *KUANG* ». Người sơn cước Sakai lại gọi *KWAK*. Người Thái-lan gọi « *KYEK* », thổ dân Sumatra thì gọi *KOEWEAU, KUAOW*, cũng là nghĩ-thanh-từ tất cả.

Nay quả quyết « *phụng-hoàng-diều* » của Trung-Hoa (Phoenix chinois) và chim trĩ Việt-Nam (faisan Ocellé) *nỗn hai mà một*, biết được như vậy rồi, nay trở qua tìm hiểu chim phụng về những chuyện hoang đường và linh thánh chung quanh nó.

Tác giả Nhật định ninh không thể bắn chim Argus bằng súng di săn. Chim faisan Ocellé càng khó bắn hơn nữa, và thời đó, khắp hoàn cầu chỉ có bốn bảo tàng viện hành diện có trưng bày vài bộ xác loài chim trĩ.

Ông Beebe viết trong « *Monographie des faisans* » (lập kỷ sự đặc chủng về trĩ) rằng ông từng sống nhiều ngày giữa vùng có trĩ ở, từng nghe tiếng chim kêu, từng gặp lại

1) Con công tổ họ. — Con công nó gáy làm sao? — Nó thật đầu vào, nó xoè cánh ra, nó kêu « tổ họ », (câu hát xưa).

dấu vết những sân trước đó không bao lâu có chim trĩ đến múa giỡn gáy sù, nhưng Beebe nói không bao giờ thấy hình dạng trĩ sống lần nào. Đêm đêm ông nghe trĩ kêu, tiếng khi gần khi xa, biết chắc đó là giọng kêu chim trĩ, nhưng sáng lại theo dấu tìm thì không bao giờ gặp được trĩ sống giữa cảnh thiên nhiên, thật là huyền vi diệu lắm vậy. (Truyện Tàu, sách Tàu, vẫn tả chim phụng kỳ kỳ xuất xuất, màu nhiệm vô cùng).

Sử Tàu từng ghi có trĩ trắng, có phụng bạch, nhưng đời nay chưa gặp giống chim albinos (chim bạch tạng). (Hiện nay, tại thảo cầm viên Sài-Gòn, vừa nhận được hai chim công (paon) trắng, mỏ trắng, lông trắng, chân trắng, từ ngoại-quốc mang về, nhưng đó là ngoại đồ, tôi không nói).

Tác giả Nhật định nếu có chim bạch tạng trong các loại chim săn được, thì có thể trong các loại faisans ocellés và Argus cũng phải có giống bạch tạng chứ chẳng không.

Sử Tàu ghi lại diêm chim trĩ trắng là diêm lành, triệu chứng đời thái bình thanh trị, hoặc báo tin một vĩ nhân xuất thế, hay là sẽ có một sự thay đổi quan trọng. Nhật-bản vẫn tin như thế và chép rằng đời TEN CHI (vua Thiên-Trí), TEMMU (Thiên Vũ), SOTOKU (Xung-Đức), vẫn có chim bạch trĩ ra đời.

Tác giả Nhật ghi thêm rằng đã từng mắt thấy sáu con trĩ bạch bày tại chợ nước Anh là Cambridge, thế là tại Anh-quốc, trĩ bạch bày ra giữa chợ lại nhiều hơn khắp nước Trung-Hoa.

Trên một bức tranh cổ Tàu, người họa sĩ vẽ hình chim phụng mà đến nay nhiều người ngờ đó là hình công là phải hơn.

Trong báo *Adversaria Sinica*, xuất bản năm 1905, giáo sư Giles, đồng ý với điều-cầm-gia Newton mà đề quyết rằng «chim phụng và chim loan tả trong bộ sách Tàu *TU SHU CHI CIPENG* vốn là: 1) *chim phụng* (*feng*) vẽ theo chim công, loại *Paon cristatus* của xứ Ấn-Độ, còn 2) *chim loan* (*luan*) vốn vẽ theo con *Argus* của xứ Bornéo và Malacca (Mã-lai).

Tác giả Nhật viết đến đây ghi chú rằng ông đồng ý với Newton về điển tích *chim loan*, nhưng không đồng ý với Newton về điển ông nói *phụng* do hình chim công vẽ và tô điểm đôi chỗ.

Hachisuka giải nghĩa: «chữ **KHÔNG** (K'UNG) (Công) nghĩa là «lỗ», lấy tích đuôi công mới xem tựa như có lỗ y như lỗ con mắt. Trái lại từ xưa chữ *phụng* đã có từ lâu và không có tượng trưng bằng lỗ mắt.

1) Có một loại vịt gọi là «*canard à tête de phoenix*» (phụng đầu áp tử), cũng gọi là «*canard à crête*», loại vịt này trên đầu có cái mồng (crête) lông thông ra sau như mồng con *Rheinardie*, còn mồng chim công thì khác xa và dựng đứng;

2) Lại có một loại cây kê gọi «*palmier à queue de phoenix*» danh từ chuyên môn gọi *cycas revoluta* (*phụng quật tiên*) lá như đuôi phụng;

3) Cũng có một loại cá kim ngư đuôi phụng, gọi «*phụng quật kim ngư*» (*dorade à queue de phoenix*),

Trong ba loại kê trên, không có loại nào áp dụng điển không tước (công) vì loại công thì mồng và đuôi không giống ba loại kê trên đây.

Giáo-sư Giles vẫn thạo tích bà Tây-Vương-Mẫu đi đến đâu vẫn có chim phụng theo hầu. Giles so sánh Tây-Vương-Mẫu với nữ-thần La-mã Junon, vì Junon cũng có

chim công theo hộ giá. Nhưng giáo-sư Nhật Hachisuka cãi lại và dẫn chứng dựa theo sách Nhật thì chim công hộ giá Junon là thuộc loại *Paon Cristatus*, tức công xứ Ấn-Độ và không phải công xứ Trung-Hoa. Trong điển Phạn (sanskrit) thì nữ-thần kỵ công danh gọi *MAYURA* (paon). Nếu muốn đem Junon so sánh với một nữ-thần kỵ công thì có thể so với nữ-thần Ấn-Độ hơn là sánh cùng Tây-Vương-Mẫu Trung-Hoa kỵ phụng.

Giáo-sư Rapsion rất sành về Phạn-tự thêm quả quyết trong thần thoại Ấn-Độ có nhiều vị nữ-thần được họa hình có công theo hộ giá, nhưng ông cần thận không dám chắc thần nào sánh được hay đối chiếu được với Junon của thần thoại La-mã.

Giáo-sư Nhật kết luận đầu sao trĩ *faisan Ocellé* (*Rheinardia Ocellata*) của Việt-Nam là chim làm kiểu mẫu để do đó vẽ hình chim phụng của Trung-Hoa.

Giáo-sư Nhật đính chính rằng không hiểu sao từ trước các sách vẫn dùng danh từ «Phoenix» để gọi chim phụng. Theo ông không có điển tích nào nói *Phụng* đã tự mình biến hóa tái sinh trong đồng tro tàn do xác mình bị hỏa thiêu, như trong truyện thần thoại con *Phoenix égyptien*. *Phụng* và *phoenix* khác nhau rất xa và tưởng không nên lấy danh từ «phụng» mà dịch danh từ «phoenix» vậy.

* *

Đến đây Jabouille trở lại thuyết của riêng mình. Ông nhắc vùng Việt-Nam có chim trĩ ở, vốn xưa kia từng bị người Trung-Hoa chiếm cứ lâu đời hoặc đã có dấu chôn người Nhật-bản đến đó cư ngụ từ thế kỷ thứ 3 trước Đa-tô đến thế kỷ 16, 17. Vùng Bình-Định, Qui-Nhơn, địa-hạt Nha-trang là vùng chót Miền Nam còn lưu dấu vết chim *faisan Ocellé*, thì Bình-Định và vùng lân cận đã từng bị quân Mông-Cổ dày xéo từ năm 1282 đến năm 1284 sau

Da-Tò, và vào thế kỷ thứ 15 thì thủy quân Mông-Cổ đã từng lấy Bình-Định làm căn cứ để độ binh từ đó qua xứ Qua-Oa (Java) (Jabouille).

Quảng-Nam và tỉnh ly Faifo trái lại vốn thuộc về đất Trượng-Quận ngày xưa (Commanderie des Eléphants). Vào thế kỷ thứ 3 trước Da-Tò, quân sĩ Tàu từng chiếm đóng tại đây, ngày nay là vùng Trà-Kiệu. Binh lính Tàu nối tiếp cư trú lâu đời tại đây. Năm 111 sau Gia-tò, đời Đông Hán, quận Trượng-Lâm (Siang-Lin) vẫn thường được nhắc nhở đến.

Qua năm 351 sau D.T., người Tàu chiến thắng người Chiêm-Thành nơi chốn này. Tiếp theo, năm 446 và năm 605, vẫn người Trung-Hoa kéo đến vùng này, lập dinh trại, ăn ở tại đây khá nhiều năm.

Nhưng ta phải nhớ chỉ có vùng núi non này và vùng sơn lâm gần Thừa-Thiên, Quảng-Trị, mới có chim trĩ faisans Ocellé ở. Tại vùng này, những nghệ sĩ, kép hát bội và vũ nữ bản xứ đã từng biết dùng lông đuôi trĩ làm vật trang sức gắn trên mũo trong khi biểu diễn.

Tỉnh Thừa-Thiên (Huế) bị Tàu chiếm cứ năm 214 trước Da-Tò. Vùng Huế là *Tây Quận* (Si Kuan), tức là một trong năm quận của *Trượng Quận* (Commanderie des Eléphants).

Qua thế kỷ thứ 9 sau Da-Tò, người Trung-Hoa vẫn trở lại lưu trú nơi đây một lần nữa.

Tỉnh Quảng-Trị (cách tỉnh ly ba mươi cây số ngàn đã có gặp trĩ rồi), là nơi trú ẩn đặc biệt của loại trĩ faisans Ocellé, và tỉnh Quảng-trị vẫn là nơi người Tàu chiếm cứ lâu đời.

Dưới đời nhà Hán, đây là quận Nhựt-Nam (Je Nan). Dưới đời Tùy, từ năm 605 đến năm 617, đó là quận Lâm Ap (Lin Yi) và qua nhà Đường, đó lại là quận Châu-Kiên.

Từ Quảng-Trị trở lên hướng Bắc là tỉnh Quảng-Bình

(Đổng Hối), vốn khi xưa thuộc quận Nhựt-Nam (Commanderie de Je-Nan) đời nhà Hán. Qua năm 605 đổi làm quận Ti-Canh (Pi Ying) sau lại, từ năm 627 đến năm 647, trở nên Châu Nam-Canh (Nan Ying) (Jabouille).

Đời nhà Hán, Hà Tĩnh thuộc quận Cửu Chân. Năm 264 đổi làm quận Cửu Đức. Dưới đời Tùy, đây là trung tâm quận Nhựt Nam (Je Nan). Qua đời Đường, năm 627, lại nhập về Châu Hoan, danh gọi Dương Lua (?).

Trĩ faisans Ocellé còn ở đến chót Bắc vùng Nghệ-An. Nghệ-An xưa kia bị nhà Hán thôn cứ, qua đời nhà Ngô (Wou), năm 264 sau Da-Tò, đây là quận Cửu Du, rồi sau đổi làm quận Châu Đức dưới đời nhà Lương (Leang). Qua năm 598 trở nên Châu Hoan, thuộc quận Nhựt Nam (Je-Nam). Đời nhà Tùy, năm 607 đây là châu Nam-Đức và vẫn giữ danh này cho đến năm 622 buổi Sơ-Đường.

Nay trở lại tìm dấu vết người Nhựt-Bản, thì sử chép đầu kỷ-nguyên đã có bóng hình người Nhựt trên khuỷnh đất Nam này. Họ lập làng lập ấp buôn bán trú mật, bằng chứng là khu phố Faifo (Hải phố) là vì năm 1636 có lệnh của Nhựt-Hoàng cấm dân Nhựt xuất dương và ra lệnh những kẻ sinh nhai ngoại quốc đều phải rút lui về Nhựt-Bản. Ngày nay tại Faifo còn nghĩa địa người Nhựt, nhứt là còn sót một cây cầu bằng gỗ mộc, trên có nóc ngói, khá gọi là một di tích hay cổ tích của con dân xứ Mặt Trời. Cầu này chữ gọi là Lai-Viên-Kiền.

Trở lại giống trĩ thì trong sử Việt còn ghi tích đời nhà Chu, một sứ đoàn Việt từng đi dâng trĩ bạch qua Tàu, bèn về phải nhờ vua Tàu ban cho một địa bàn chỉ hướng Nam cho phân biệt đường về.

Vì duyên do kể trên, người Tàu và người Nhựt phổ biến chim trĩ trong các thần thoại của họ, người Tàu gọi

đó là FUNG (Phụng), người Nhật gọi HÔ-O, cũng đồng một con chim trĩ Việt-Nam. Chuyện thật mà trở nên chuyện hoang đường một cách dễ dàng, cũng vì khi xưa có một sự huyền ảo khó giải là loài trĩ từ thuở nào khó gặp tại nơi sinh sản, khó bắt sống, khó bắn chết theo phương pháp thời đó. Nhộn đó và đề thêm vẽ linh thánh, những lúc họa chim hay tạc hình vào đá, người thợ đã thi-vị-hóa, thêm nhuần thêm nhụy, vẽ giấm thêm vài chi-tiết, vài nét tuy không đúng sự thật nhưng tăng phần huyền ảo rất nhiều.

Đời xưa chưa có phương pháp khoa học thấu hình như hiện nay (tỷ dụ máy chụp ảnh), nên cũng khó mà tránh sự lầm lộn khi mô tả những loại gần giống nhau, tỷ dụ như *phụng*, *loan*, *trĩ*, *công*... Nhật là tranh cổ thường có sự lẫn lộn về chim phụng. Có nhiều bức tranh, vẽ chim phụng, phần chót đuôi lại điểm chấm như điểm chấm đuôi chim công, quên rằng đối với mắt nhà chuyên môn: đuôi trĩ có hình như dấu lỗ con mắt « Ocelle » và lại nhọn nơi đầu, còn đuôi chim công thì rất khác.

Cổ nhân, khi vẽ chim phụng, tô điểm đủ màu, nào xanh da trời, xanh chói lọi màu lá cây, chỗ khác đỏ hồng tươi rói, không khác vẽ hình chim công; như thế là lầm to, vì chim *faisan Ocellé*, lông màu đỏ sậm như màu da nâu lợt (brun) lại thêm có chấm chấm vàng không thể lẫn lộn (xem hình số 3). Sự vẽ lầm, họa hình lầm ấy cũng dễ hiểu khi ta biết được thường chỗ nào có chim trĩ ở thì lại cũng có chim công ở lẫn lộn theo. Sự lầm lộn và vẽ lầm lại dễ xảy ra vì lỗi ở thợ săn, đa số khi săn được chỉ lấy lông đuôi trĩ đem về, không đem nguyên xác chim trĩ, bởi đó họa sĩ nào thiếu kinh nghiệm, chưa thấy chim trĩ thiệt, ắt lầm ngay.

Sài-gòn ngày 31 tháng Giêng 1961.



Hình số 1.— Chim hoàng-yến (canari)

(Hoàng xuân Lợi vẽ).

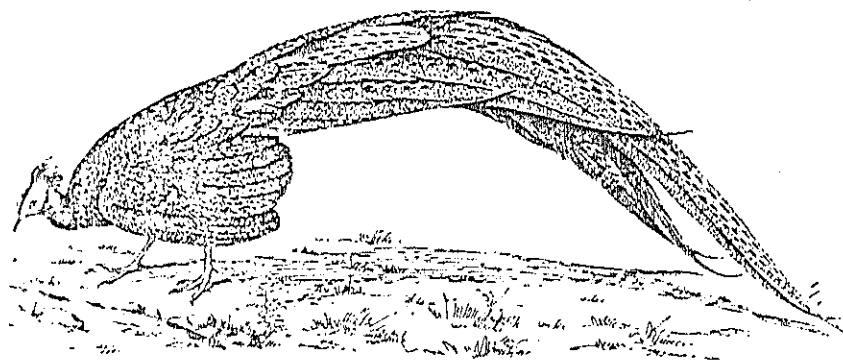


Hình số 2.— Vài kiểu chim phụng dưới mắt người Trung-Hoa, trích Tập-sơn « Đô-thành Hiếu cồ » và nhái theo hình trên các cò-vật bằng đồng và đồ gốm đời Hán, Đường v.v... (Hoàng xuân Lợi vẽ).



Hình số 3.— Một nhánh cây biến-hóa thành chim phụng (vẽ trên đĩa s Huế, hiệu đề « Trăn-Ngoạn », thế-kỷ thứ XIX)

(Hoàng xuân Lợi vẽ)



Hình số 4.— Chim trĩ « faisán Ocellé » phỏng họa theo Tập-sơn Đô-thà Hiếu-cồ, dưới ngòi bút của bạn tôi, ông Hoàng xuân L. Viện Bảo-tàng Sài-gòn.